

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Yên

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHI LĂNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Yến

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Yên Mã SV:1013401030

Lớp: QTL402K Ngành: Kế toán –Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH
thương mại Chi Lăng

.....
.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán vốn bằng tiền.
 - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng.
 - Đưa ra những nhận xét chung về công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại đơn vị, từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu: năm 2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHI LĂNG

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Đồng Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Vũ Thị Yến

Đồng Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Ham học hỏi, tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khoá luận có kết cấu tương đối khoa học và hợp lý.

Chương I: Tổng quan kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

Nhìn chung, tác giả đã hệ thống hoá tương đối đầy đủ và chi tiết những vấn đề lý luận cơ bản theo nội dung nghiên cứu của đề tài. Trong phần này, tác giả đã cố gắng sử dụng những kiến thức mới cập nhật theo quyết định 48/2006 QĐ-BTC và một số chuẩn mực kế toán về vốn bằng tiền để phục vụ bài viết.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Thành công lớn nhất của bài viết là tác giả đã mô tả khá chi tiết và đầy đủ về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng với số liệu năm 2011 tương đối hợp lý và có tính logic.

Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Tác giả đã có được những đánh giá tương đối khách quan, xác thực về việc công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9,75 điểm (Chín phẩy bảy năm điểm)

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đông Thị Nga

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG I: Lý luận chung về công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.....	10
1.1 Tổng quan về kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp	10
1.1.1 Khái niệm vốn bằng tiền	10
1.1.2 Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền	10
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.....	12
1.2 Kế toán tiền mặt tại quỹ.....	13
1.2.1 Khái niệm	13
1.2.2 Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền tại quỹ.....	13
1.2.3 Tài khoản sử dụng	13
1.2.4 Nguyên tắc hạch toán	14
1.2.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.....	15
1.3 Kế toán chênh lệch tỷ giá và các nghiệp vụ thu chi ngoại tệ	19
1.3.1 Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ...	19
1.3.2 Nguyên tắc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái.....	20
1.3.3 Phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái và các nghiệp vụ thu chi ngoại tệ	21
1.3.4 Điều chỉnh tỷ giá vào cuối năm tài chính.....	25
1.4 Kế toán vàng bạc, kim khí quý, đá quý.....	27
1.5 Kế toán tiền gửi ngân hàng	30
1.5.1 Khái niệm	30
1.5.2 Chứng từ sử dụng để hạch toán các khoản tiền gửi	30
1.5.3 Tài khoản hạch toán	30
1.5.4 Nguyên tắc hạch toán	31
1.5.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.....	32
1.6 Kế toán tiền đang chuyển	34
1.6.1 Khái niệm và nội dung tiền đang chuyển.....	34
1.6.2 Chứng từ sử dụng	34

1.6.3	Tài khoản hạch toán	34
1.6.4	Nguyên tắc hạch toán	35
1.6.5	Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.....	35
CHƯƠNG II: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng		38
2.1	Tổng quan về công ty TNHH thương mại Chi Lăng	38
2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển của công ty	38
2.1.2	Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty	38
2.1.3	Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	40
2.1.4	Một số đặc điểm về hình thức kế toán tại công ty	41
2.2	Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng.....	44
2.2.1	Đặc điểm chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng	44
2.2.2	Kế toán tiền mặt tại công ty	44
2.2.3	Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty	62
CHƯƠNG III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng		90
3.1	Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty	90
3.1.1	Ưu điểm.....	90
3.1.2	Những tồn tại	92
3.2	Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng	93
3.2.1	Sự cần thiết phải hoàn thiện.....	93
3.2.2	Hoàn thiện hệ thống sổ sách	94
3.2.3	Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt	104
3.2.4	Hoàn thiện công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn	106
3.2.5	Hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính... ..	106
3.2.6	Việc ứng dụng phần mềm trong công tác kế toán tại doanh nghiệp	110
KẾT LUẬN		113

LỜI MỞ ĐẦU

Quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam với thế giới là một tất yếu khách quan. Trong điều kiện hiện nay, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành, tồn tại và phát triển, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp có thể thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Do đó quy mô của vốn bằng tiền rất lớn, rất phức tạp. Việc quản lý chúng có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thấy tầm quan trọng của vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp, trong thời gian thực tập tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Chi Lăng, được sự giúp đỡ tận tình của các cô chú trong phòng kế toán, em đã có cơ hội tìm hiểu và tiếp cận thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp và em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng”*** để đi sâu vào nghiên cứu và viết khóa luận.

Bài khóa luận của em ngoài *lời mở đầu* và *kết luận*, gồm 3 chương:

Chương I: Lý luận chung về công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

Nhờ có sự quan tâm giúp đỡ và hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Đồng Thị Nga em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình, nhưng do thời gian có hạn và kiến thức còn nhiều hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự tham gia góp ý của các thầy cô để bài khóa luận của em được tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1 Tổng quan về kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động trong doanh nghiệp, bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi (tại Ngân hàng hoặc các công ty tài chính) và các khoản tiền đang chuyển (kể cả nội tệ, ngoại tệ, vàng, bạc, kim loại quý hiếm, ngân phiếu) và các khoản tương đương tiền: các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định.

1.1.2 Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền

a. Đặc điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm các loại vật tư hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Đồng thời vốn bằng tiền cũng là kết quả của việc mua bán và thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy quy mô vốn bằng tiền đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ do vốn bằng tiền có tính thanh khoản cao, nên nó là đối tượng của gian lận và sai sót. Vì vậy việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý thống nhất của Nhà nước, chẳng hạn lượng tiền tại quỹ của doanh nghiệp để chi tiêu cho những nhu cầu thường xuyên không vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và ngân hàng đã thỏa thuận theo hợp đồng thương mại, mọi khoản thu, chi tiền mặt phải có đủ chứng từ hợp lệ và chữ ký của người giao, người nhận, người cho phép nhập, xuất quỹ...

b. Những yêu cầu cơ bản để quản lý nội bộ vốn bằng tiền

Để quản lý tốt vốn bằng tiền trong nội bộ doanh nghiệp, trước hết cần tách biệt việc bảo quản vốn bằng tiền khỏi việc ghi chép các nghiệp vụ này. Ngoài ra doanh nghiệp còn phải phân công một số nhân viên làm nhiệm vụ ghi sổ để kiểm tra công việc của người này thông qua công việc của người kia. Việc phân chia trách nhiệm như trên nhằm hạn chế bớt tình trạng gian lận cũng như sự móc ngoặc giữa các nhân viên để tiến hành tham ô, biển thủ. Các bước chính để thực hiện quản lý nội bộ vốn bằng tiền gồm:

- Việc sử dụng, chi tiêu tiền của doanh nghiệp phải đúng mục đích, đúng chế độ, phải làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ.
- Tách biệt nhiệm vụ giữ tiền mặt với việc giữ các sổ sách kế toán
- Lập bản danh sách ghi hóa đơn thu tiền mặt tại thời điểm và nơi nhận tiền mặt.
- Thực hiện thanh toán bằng séc, chỉ nên dùng tiền mặt chi tiêu cho các khoản nhỏ, không được chi trả tiền mặt thay cho việc chi trả séc.
- Trước khi phát hành một tờ séc để thanh toán phải kiểm tra số lượng và giá trị các khoản chi, tránh việc phát hành séc quá số dư.
- Tách chức năng duyệt chi khỏi chức năng ký séc.

c. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền

Việc hạch toán vốn bằng tiền phải tuân thủ các nguyên tắc, quy định, các chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước. Cụ thể:

❖ *Nguyên tắc tiền tệ thống nhất:* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là “đồng” Ngân hàng Việt Nam để phản ánh (VND).

❖ *Nguyên tắc cập nhật:* Kế toán phải phản ánh kịp thời, chính xác số tiền hiện có và tình hình thu, chi toàn bộ các loại vốn bằng tiền, mở sổ theo dõi chi tiết từng

loại ngoại tệ theo nguyên tệ và theo đồng Việt Nam (quy đổi), từng loại vàng, bạc, đá quý (theo số lượng, trọng lượng, quy cách, độ nổi kích thước, giá trị...).

❖ *Nguyên tắc hạch toán ngoại tệ:* Mọi nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ phải được quy đổi về “đồng Việt Nam” để ghi sổ. Tỷ giá quy đổi là tỷ giá mua bán thực tế trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chính thức công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Với những ngoại tệ mà Ngân hàng không công bố tỷ giá quy đổi ra “đồng Việt Nam” thì thống nhất quy đổi thông qua đồng đô la Mỹ (USD).

❖ *Nguyên tắc hạch toán vàng, bạc, kim khí quý, đá quý:* Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá trị thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán). Giá xuất trong kỳ được tính theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp giá thực tế bình quân bình quân gia quyền giữa giá đầu kỳ và các lần nhập trong kỳ.
- Phương pháp giá thực tế nhập trước – xuất trước
- Phương pháp giá thực tế nhập sau – xuất trước
- Phương pháp giá thực tế đích danh
- Phương pháp giá bình quân sau mỗi lần nhập

Tuy nhiên do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp giá thực tế đích danh thường được sử dụng.

Thực hiện đúng các nguyên tắc trên sẽ giúp doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền trong doanh nghiệp. Đồng thời doanh nghiệp còn chủ động trong kế hoạch thu chi, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên liên tục.

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

- Phản ánh kịp thời các khoản thu, chi bằng tiền tại doanh nghiệp; khóa sổ kế toán tiền mặt cuối mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, thống nhất các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán vốn bằng tiền nhằm thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện kịp thời các trường hợp chi tiêu lãng phí, ...

- So sánh, đối chiếu kịp thời thường xuyên số liệu giữa sổ quỹ tiền mặt, sổ kế toán tiền mặt với sổ kiểm kê thực hiện nhằm kiểm tra, phát hiện kịp thời các trường hợp sai lệch để kiến nghị các biện pháp xử lý.

1.2 Kế toán tiền mặt tại quỹ

1.2.1 Khái niệm

Tiền mặt tại quỹ là số tiền được bảo quản tại kết của Doanh nghiệp, gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu), ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ... do thủ quỹ quản lý, được sử dụng phục vụ cho hoạt động chi tiêu hàng ngày trong Doanh nghiệp.

1.2.2 Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền tại quỹ

- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03-TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04-TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05-TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06-TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (Mẫu số 08-TT)
- Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09-TT)
- Một số chứng từ có liên quan khác

1.2.3 Tài khoản sử dụng

Theo chế độ hiện hành, các đơn vị được phép giữ lại một số tiền mặt theo hạn mức quy định để chi tiêu cho những nhu cầu thường xuyên.

Để theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng, giảm tiền mặt, kế toán sử dụng tài khoản 111 “Tiền mặt”. Tài khoản này có nội dung phản ánh như sau:

Nợ	Tài khoản 111 “Tiền mặt”	Có
<u>Số dư đầu kỳ:</u>		
Số phát sinh trong kỳ: - Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý nhập quỹ, nhập kho - Số thừa phát hiện khi kiểm kê - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ		- Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý xuất quỹ, xuất kho - Số thiếu phát hiện khi kiểm kê - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
<u>Số dư cuối kỳ:</u> Phản ánh số tiền tồn quỹ		

Tài khoản 111 chi tiết thành 3 tài khoản:

- TK 1111. Tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu): phản ánh tình hình thu, chi, tồn tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- TK 1112. Ngoại tệ (quy đổi theo đồng Việt Nam): phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo tỷ giá quy đổi ra đồng Việt Nam.
- TK 1113. Vàng, bạc, đá quý (theo giá thực tế): phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 511, 131, 112 ...

1.2.4 Nguyên tắc hạch toán

- Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ của TK 111 “Tiền mặt”.
- Mọi khoản thu, chi tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi hoặc chứng từ nhập, xuất (với vàng, bạc, đá quý) và có đủ chữ ký của người giao, người nhận, người cho phép nhập, xuất quỹ (giám đốc hoặc người được ủy quyền và kế toán trưởng).
- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký quỹ, ký cược tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.
- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có đầy đủ các chứng từ theo quy định và có đủ chữ ký của người giao, người nhận, người cho phép nhập, xuất quỹ. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.
- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
- Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt tại quỹ. Khi đã thu, chi tiền, thủ quỹ đóng dấu “đã thu tiền” hoặc “đã chi tiền” vào chứng từ. Cuối ngày, căn cứ vào những chứng từ thu chi để ghi vào sổ quỹ và lập báo cáo quỹ kèm theo các chứng từ thu, chi để ghi sổ kế toán. Hàng ngày, thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền quỹ thực tế, tiến hành đối chiếu với số liệu của sổ quỹ, sổ kế toán. Nếu có chênh lệch, thủ quỹ và kế toán phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý.
- Với vàng, bạc, đá quý nhận ký cược, ký quỹ, trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân, đo, đếm số lượng, trọng lượng, giám định chất lượng và tiến hành niêm phong có xác nhận của người ký cược. Ký quỹ trên dấu niêm phong.

1.2.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

- **Với các nghiệp vụ tăng tiền mặt:**

- Tăng do thu tiền bán hàng nhập quỹ

Nợ TK 111(1111): Số tiền nhập quỹ theo tổng giá thanh toán

Có TK 511: Số tiền bán sản phẩm dịch vụ

Có TK 3331(33311): Thuế GTGT phải nộp

- Tăng do thu tiền từ các hoạt động tài chính, hoạt động khác nhập quỹ

Nợ TK 111(1111): Số tiền nhập quỹ theo tổng giá thanh toán

Có TK 515, 711: Tổng số thu nhập

Có TK 3331(33311): Thuế GTGT phải nộp

- Tăng do rút tiền gửi Ngân hàng nhập quỹ

Nợ TK 111(1111): Số tiền gửi Ngân hàng

Có TK 112: Rút tiền gửi Ngân hàng

- Tăng do thu hồi tạm ứng thừa

Nợ TK 111(1111): Số thu hồi nhập quỹ

Có TK 141: Thu tiền tạm ứng thừa

- Tăng do thu từ người mua (kể cả tiền đặt trước của người mua)

Nợ TK 111(1111): Số thu nhập quỹ

Có TK 131: Thu tiền của người mua

- Tăng do các nguyên nhân khác

Nợ TK 111(1111): Số thu nhập quỹ

Có TK 136: Các khoản thu từ nội bộ

Có TK 138: Các khoản thu đã thu được

Có TK 144: Thu hồi các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 338(3388): Các khoản thu hộ, giữ hộ, các khoản nhận ký quỹ,
ký cược ngắn hạn

Có TK 128, 228: Thu hồi các khoản cho vay

Có TK 3381: Kiểm kê phát hiện quỹ thừa chưa rõ nguyên nhân

- **Với các nghiệp vụ giảm tiền mặt:**

- Giảm do mua vật tư, hàng hóa, tài sản thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt
Nợ TK 151, 152, 153, 156: Mua vật tư, hàng hóa (theo phương pháp kê khai thường xuyên)

Nợ TK 611: Mua vật tư, hàng hóa (phương pháp kiểm kê định kỳ)

Nợ TK 211, 213, 241: Chi XDCB, mua sắm TSCĐ

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111(1111): Tổng giá thanh toán

- Giảm do chi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chi trực tiếp bằng tiền:

Nợ TK 627, 641, 642: Tổng số chi tiêu (không có thuế GTGT)

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111(1111): Tổng tiền chi tiêu thực tế

- Giảm do gửi vào ngân hàng:

Nợ TK 112: Gửi tiền vào ngân hàng

Có TK 111 (1111): Tổng số tiền gửi

- Giảm do các nguyên nhân khác:

Nợ TK 331: Đặt trước hoặc trả nợ cho người cung cấp

Nợ TK 136: Chi hộ, ứng trước cho đơn vị nội bộ

Nợ TK 144: Mang ký cược, ký quỹ ngắn hạn

Nợ TK 138: Các khoản cho vay, cho mượn tạm thời, các khoản tiền thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê

Nợ TK 141: Tạm ứng cho công nhân viên

Nợ TK 311, 315: Thanh toán tiền nợ, vay đến hạn

Nợ TK 333: Nộp thuế và các khoản khác

Nợ TK 334: Thanh toán lương cho người lao động

....

Có TK 111 (1111): Số tiền mặt thực xuất quỹ

TK112	TK111	TK112
Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	Gửi tiền vào ngân hàng	
TK 131,136,138		TK 141,144,244
Thu hồi các khoản nợ phải thu	Chi tạm ứng, ký cược, ký quỹ	
TK141,144,244		TK152,153,156
Thu hồi các khoản tạm ứng, ký cược, ký quỹ	Mua vật tư, hàng hóa	
TK121,128,221		TK133
Thu hồi các khoản đầu tư tài chính		VAT đầu vào
TK 311,341		TK 311,331,315,333
Vay ngắn hạn, vay dài hạn	Thanh toán các khoản nợ phải trả	
TK 411,441		TK338,344
Nhận vốn góp liên doanh, nhận cấp vốn từ NSNN	Trả tiền nhận ký quỹ ngắn, dài hạn	
TK 511, 512, 515, 711		TK121,128,221..
Doanh thu bán hàng và thu nhập khác	Đầu tư ngắn, dài hạn	
TK 3331		
TGTGT		
Phải nộp		
TK 3381		TK1381
Kiểm kê phát hiện thừa tiền chưa rõ nguyên nhân	Kiểm kê phát hiện thiếu tiền chưa rõ nguyên nhân	
TK 3386, 344		
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn		

Bảng 1.1: Sơ đồ TK111 “Tiền mặt”

1.3 Kế toán chênh lệch tỷ giá và các nghiệp vụ thu chi ngoại tệ

1.3.1 Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ

❖ **Nguyên tắc 1:** Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam (VND), hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán (nếu được chấp thuận). Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra VND hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán về nguyên tắc doanh nghiệp phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế (gọi tắt là tỷ giá giao dịch) để ghi sổ kế toán.

Doanh nghiệp đồng thời phải theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết của các tài khoản: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển trên tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại.

❖ **Nguyên tắc 2:** Đối với các tài khoản thuộc loại doanh thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí khác bên Nợ của các tài khoản vốn bằng tiền khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải ghi sổ kế toán theo tỷ giá giao dịch tại thời điểm nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Nguyên tắc 3:** Đối với bên Có của các tài khoản vốn bằng tiền khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán (tỷ giá bình quân gia quyền, tỷ giá nhập trước – xuất trước, tỷ giá nhập sau – xuất trước...)

❖ **Nguyên tắc 4:** Đối với bên Có của các tài khoản nợ phải trả, bên Nợ của các tài khoản nợ phải thu khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ theo tỷ giá thực tế giao dịch, cuối kỳ kế toán các số dư nợ phải trả và nợ phải thu phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối kỳ.

❖ **Nguyên tắc 5:** Đối với bên Nợ của các tài khoản nợ phải trả và bên Có của các tài khoản nợ phải thu khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán.

❖ **Nguyên tắc 6:** Cuối năm tài chính phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán cuối năm tài chính.

❖ **Nguyên tắc 7:** Trường hợp mua bán ngoại tệ bằng VND thì hạch toán theo tỷ giá thực tế mua, bán.

1.3.2 Nguyên tắc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái

 *Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh:*

- Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tổ chức hoặc ngày kết thúc năm tài chính khác với năm dương lịch (đã được chấp thuận) của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả kinh doanh của năm tài chính.

- Đối với doanh nghiệp vừa hoạt động kinh doanh vừa có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, nếu phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản thì cũng xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái này vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả kinh doanh của năm tài chính.

Doanh nghiệp không được chia lợi tức trên lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính của các khoản mục tiền tệ ở năm tài chính hiện tại.

 *Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động):*

- Trong giai đoạn đầu tư XD CB, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm tài chính của các khoản mục tiền tệ phản ánh lý kế trên Bảng cân đối kế toán (trên khoản mục 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái)
- Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, chênh lệch tỷ giá hối đoái thực sự phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (lỗ hoặc lãi tỷ giá) không ghi nhận tính vào trị giá tài sản cố định mà kết chuyển toàn bộ vào chi phí tài chính hoặc được doanh thu hoạt động tài chính của năm tài chính có tài sản cố định và các tài sản đưa vào hoạt động hoặc phân bổ tối đa là 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.
- Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ cuối năm tài chính và thời điểm quyết toán bàn giao đưa tài sản cố định vào sử dụng không ghi nhận được tính vào trị giá tài sản cố định mà phân bổ vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính của các kỳ kinh doanh tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động và phải phù hợp với thời gian hữu dụng của tài sản cố định.

1.3.3 Phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái và các nghiệp vụ thu chi ngoại tệ

a) Tài khoản kế toán

 TK 007 “Ngoại tệ các loại”

Nợ	TK 007	Có
- Số ngoại tệ thu được (Ghi theo gốc nguyên tệ)		- Số ngoại tệ chi ra (Ghi theo gốc nguyên tệ)
Số dư: Ngoại tệ hiện có (Ghi theo gốc nguyên tệ)		

 TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”

Nợ	TK 413	Có
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lỗ tỉ giá) cuối năm tài chính hoạt động kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. - Kết chuyển số chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính (lãi tỷ giá) của hoạt động kinh doanh và doanh thu tài chính.		- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi tỉ giá) cuối năm tài chính hoạt động kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. - Kết chuyển số chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính (lỗ tỷ giá) của hoạt động kinh doanh và doanh thu tài chính.

Số dư:

TK 413 có thể có số dư bên Nợ hoặc bên Có, thể hiện số chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi hoặc lỗ tỷ giá) ở thời điểm cuối năm tài chính chưa được xử lý.

TK 413 có 2 TK cấp 2:

- TK 4131: Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính
- TK 4132: Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản

b) Phương pháp hạch toán

❖ **Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư XD CB (doanh nghiệp kinh doanh vừa có hoạt động đầu tư)**

TK131,136,138		TK 111(1112),112(1122)		TK 311, 331, 336, 338	
Thu nợ bằng ngoại tệ		Thanh toán nợ bằng ngoại tệ			
Tỷ giá ghi sổ khi nhận nợ	Tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên NH	Tỷ giá ghi sổ hoặc ngoại tệ xuất dùng	Tỷ giá ghi sổ khi nhận nợ		
TK515	TK635	TK515	TK635		
Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ		
TK 511, 515, 711		TK 152, 153, 156, 133			
Doanh thu bán hàng, thu nhập khác bằng ngoại tệ		Mua vật tư, hàng hóa bằng ngoại tệ			
(tỷ giá thực tế hoặc bình quân LNH tại thời điểm phát sinh NV)		Tỷ giá ghi sổ của ngoại tệ xuất dùng	Tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh NV		
		TK515	TK635		
		Lãi	Lỗ		
TK413		TK413			
Chênh lệch tỷ giá tăng do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm		Chênh lệch tỷ giá giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm			

Đồng thời ghi đơn TK 007

TK007

Thu ngoại tệ	Thanh toán các khoản bằng ngoại tệ
--------------	--

Bảng 1.2: Sơ đồ tài khoản 111, 112 (Ngoại tệ)

❖ **Kế toán chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động)**

- Khi mua ngoài hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định, thiết bị, khối lượng xây lắp do bên nhận thầu bàn giao:

Nợ TK 151, 152, 211, 241: Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch

Nợ (Có TK 413): Lỗ hoặc lãi tỷ giá

Có TK 111 (1112), 112 (1122): Tỷ giá xuất quỹ

- Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ:

Nợ TK 331, 336, 338, 341, 342: Tỷ giá ghi sổ

Nợ (Có) TK 413: Lỗ hoặc lãi tỷ giá hối đoái

Có TK 111(1112), 112 (1122): Tỷ giá xuất quỹ

- Đồng thời ghi đơn Có TK 007

Hàng năm, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong giai đoạn đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) được phản ánh lũy kế trên TK 413 cho đến khi hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản.

Kết thúc giai đoạn đầu tư XD CB, kết chuyển chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện của hoạt động đầu tư (giai đoạn trước hoạt động) trên TK 413 tính ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu tài chính, hoặc kết chuyển sang TK 242 “Chi phí trả trước dài hạn” (lỗ tỷ giá) hoặc TK 3387 “Doanh thu chưa thực hiện” (lãi tỷ giá) để phân bổ trong thời gian tối đa là 5 năm:

• Trường hợp kết chuyển toàn bộ vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

(Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Hoặc

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái

(Lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

- Trường hợp phân bổ qua tài khoản 242 “ Chi phí trả trước dài hạn” và tài khoản 3387 “ Doanh thu chưa thực hiện”

- Trường hợp lỗ chênh lệch tỷ giá:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá

Sau đó định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 242 – Chi phí trả trước dài hạn

- Trường hợp lãi chênh lệch tỷ giá

Nợ TK 413- Chênh lệch tỷ giá

Có TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện

Sau đó định kỳ phân bổ vào doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 3387 – Doanh thu chưa thực hiện

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

1.3.4 Điều chỉnh tỷ giá vào cuối năm tài chính

Tại thời điểm cuối năm tài chính, DN phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động sản xuất kinh doanh) và của hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

- (1) Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 111(2), 112(2), 131, 136, 138, 311, 315, 331, 341...

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính

(2) Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính

Có TK 111(2), 112(2), 131, 136, 138, 311, 315, 331, 341...

(3) Xử lý khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính

Kết chuyển toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính vào chi phí giá chưa có thuế GTGT hoặc doanh thu hoạt động tài chính:

- Nếu lãi tỷ giá hối đoái

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính.

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

- Nếu lỗ tỷ giá hối đoái

Nợ TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính

Chú ý: Lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện không ghi nhận phải là căn cứ để xác định số lãi kinh doanh chia cho các bên góp vốn.

(4) Xử lý khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính của khoản mục tiền tệ của hoạt động đầu tư XDCB:

Trong giai đoạn đầu tư XDCB, doanh nghiệp chưa đi vào hoạt động thì chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm không ghi nhận xử lý mà phản ánh lũy kế trên tài khoản 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”.

Khi hoàn thành đầu tư, chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư nợ hoặc dư có trên TK 413 sẽ được kết chuyển trực tiếp vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính (nếu nhỏ);

Hoặc được kết chuyển vào tài khoản 242 “Chi phí trả trước dài hạn” hay tài khoản 3387 “Doanh thu chưa thực hiện”, sau đó phân bổ dần sang tài khoản 635 hoặc tài khoản 515.

1.4 Kế toán vàng bạc, kim khí quý, đá quý

❖ Nguyên tắc hạch toán vàng bạc, đá quý

Trong các đơn vị SXKD, phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến vàng, bạc, kim loại quý hiếm sẽ được theo dõi trên tài khoản 111 (1113); còn với các đơn vị kinh doanh vàng, bạc, đá quý thì không phản ánh ở tài khoản này mà phản ánh ở TK 156. Giá của vàng, bạc, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán). Các loại vàng, bạc, đá quý nhập theo giá nào thì tính xuất theo giá đó. Khi tính giá xuất, có thể sử dụng giá bình quân gia quyền hay giá thực tế từng lần nhập. Tuy nhiên do vàng, bạc, đá quý có giá trị cao và thường có tính tách biệt nên tốt nhất khi hạch toán, cần sử dụng phương pháp đặc điểm riêng. Theo phương pháp này, khi mua vàng, bạc, đá quý cần có các thông tin như ngày mua, số tiền phải trả, tên người bán, đặc điểm vật chất (kích cỡ, trọng lượng, mẫu mã, màu sắc, độ tuổi..)

❖ Phương pháp hạch toán

- **Đối với các nghiệp vụ tăng vàng, bạc, đá quý, ghi:**

Nợ TK 111 (1113): Số vàng, bạc, đá quý tăng theo giá thực tế

Có TK 111 (1111, 112 (1121): Số tiền chi mua thực tế

Có TK 511: Doanh thu bán hàng thực tế

Có TK 144, 138: Thu hồi các khoản ký cược, ký quỹ, cho vay

Có TK 411: Nhận góp vốn liên doanh, cấp phát

...

- **Đối với các nghiệp vụ giảm vàng, bạc, đá quý, ghi:**

Nợ TK 1111, 1112, 112, 311, 331, 128, 228...: Giá bán hay giá thanh toán thực tế của vàng, bạc, đá quý

Nợ (hoặc Có) TK 412: Phần chênh lệch giữa giá gốc với giá thanh toán

Có TK 111 (1113): Giá gốc vàng, bạc, đá quý thanh toán hay nhượng bán

- Trường hợp xuất vàng, bạc, đá quý để chế tác: hạch toán giống như xuất nguyên, vật liệu.

- Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

1. Mua vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ:

Nợ TK 1113: Giá mua thực tế ghi trên hóa đơn

Có TK 1111, 1121: Giá mua thực tế ghi trên hóa đơn

2. Nhận tiền ký quỹ, ký cược ngắn hạn bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ:

Nợ TK 1113: Giá thực tế nhập quỹ

Có TK 3388 (Nếu ký quỹ, ký cược ngắn hạn)

Có TK 344 (Nếu ký quỹ, ký cược dài hạn)

3. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp

- Trường hợp giá thực tế lúc thanh toán > giá thực tế lúc nhận nợ

Nợ TK 1113: Giá thực tế khi thanh toán

Có TK 131: Giá thực tế lúc nhận nợ

Có TK 515: Chênh lệch

- Trường hợp giá thực tế lúc thanh toán < giá thực tế lúc nhận nợ

Nợ TK 1113: Giá thực tế khi thanh toán

Nợ TK 635: Chênh lệch

Có TK 131: Giá thực tế lúc nhận nợ

4. Xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý đi ký quỹ, ký cược ngắn hạn hoặc dài hạn

Nợ TK 144 (Nếu ký quỹ, ký cược ngắn hạn)

Nợ TK 244 (Nếu ký quỹ, ký cược dài hạn)

Có TK 1113: Giá thực tế xuất quỹ

- Khi phát sinh chênh lệch giữa giá xuất và giá thanh toán ở thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế thì phản ánh chênh lệch vào TK515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi) và TK 635”Chi phí hoạt động tài chính” (lỗ).

- Kết chuyển sang TK 412

TK131, 136, 138		TK 111(1113), 112(1123)		TK 311, 331, 336, 338	
Thu nợ bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý		Thanh toán nợ bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý			
Giá ghi sổ	Giá thực tế hoặc BQLNH	Giá ghi sổ	Giá thực tế hoặc BQLNH		
TK515	TK635	TK515	TK635		
Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ		
TK 144, 244				TK 144, 244	
Thu hồi các khoản ký cược, ký quỹ bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý		Chi ký cược, ký quỹ bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý			
TK 511, 515, 711					
Doanh thu hoạt động SXKD, Thu nhập khác bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý					
(Giá thực tế trên thị trường)					
TK 411, 441					
Nhận vốn góp, vốn cấp bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý					
TK 412				TK 412	
Chênh lệch tỷ giá tăng do đánh giá lại số dư vàng, bạc, kim khí quý, đá quý		Chênh lệch tỷ giá tăng do đánh giá lại số dư vàng, bạc, kim khí quý, đá quý			

Bảng 1.3: Sơ đồ TK 111, 112 “Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý”

1.5 Kế toán tiền gửi ngân hàng

1.5.1 Khái niệm

Tiền gửi ngân hàng là số tiền doanh nghiệp gửi vào các tài khoản ở các ngân hàng hay các công ty tài chính nhằm phục vụ cho mục đích thanh toán hoặc kiểm soát.

1.5.2 Chứng từ sử dụng để hạch toán các khoản tiền gửi

- Ủy nhiệm thu
- Ủy nhiệm chi
- Séc chuyển khoản
- Giấy báo có
- Giấy báo nợ
- Bảng sao kê của ngân hàng
- Sổ phụ ngân hàng
- Một số chứng từ khác có liên quan

1.5.3 Tài khoản hạch toán

Để theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng, giảm của tiền gửi Ngân hàng (Kho bạc hay Công ty Tài chính), kế toán sử dụng TK112 “Tiền gửi Ngân hàng”. Tài khoản này có thể được mở chi tiết theo từng nơi gửi tiền.

Nợ	TK112	Có
<u>Số dư đầu kỳ:</u>		
Số phát sinh trong kỳ		
-Các khoản tiền gửi vào Ngân hàng		-Các khoản tiền rút từ Ngân hàng ra
-Các khoản chênh lệch so với Ngân hàng chưa rõ nguyên nhân		-Các khoản chênh lệch so với Ngân hàng chưa rõ nguyên nhân
Tổng số phát sinh Nợ		Tổng số phát sinh Có
<u>Số dư cuối kỳ:</u>		
Số tiền còn gửi lại Ngân hàng		

TK 112 gồm 3 tài khoản chi tiết:

- TK 1121 Tiền Việt Nam
- TK 1122 Ngoại tệ
- TK 1123 Vàng, bạc, đá quý

1.5.4 Nguyên tắc hạch toán

Theo quy định, mọi khoản tiền nhàn rỗi của doanh nghiệp phải gửi vào Ngân hàng (hoặc Kho bạc hay Công ty tài chính). Khi cần chi tiêu, doanh nghiệp, phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền.

- Việc hạch toán tiền gửi ngân hàng đòi hỏi phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi (tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý...).
- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh.
- Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.
- Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh.
- Tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp nếu dùng để ký quỹ, mở L/C nhập khẩu ... nghĩa là doanh nghiệp không được phép chi khoản tiền đó cho mục đích khác thì kế toán phải chuyển khoản tiền quỹ sang khoản “thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn” hoặc “thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn” (nếu ký quỹ trên 01 năm).
- Hàng ngày, khi nhận được chứng từ do Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Mọi sự chênh lệch phải thông báo kịp thời. Nếu cuối tháng vẫn chưa xác định được nguyên nhân thì

chuyển vào bên Nợ TK 1381 hoặc bên Có TK 3381 (lấy số liệu Ngân hàng làm chuẩn). Sang tháng sau, khi tìm được nguyên nhân sẽ điều chỉnh.

1.5.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Việc hạch toán trên TK 112 “Tiền gửi ngân hàng” tiến hành tương tự như việc hạch toán trên TK 111 “Tiền mặt”. Tuy nhiên cần lưu ý một vài khác biệt:

- Số lợi tức về tiền gửi được hưởng

Nợ TK 111, 112

Có TK 515

- Số chênh lệch so với số liệu của Ngân hàng đến cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân

- Nếu số liệu Ngân hàng lớn hơn so với số liệu của kế toán:

Nợ TK 112

Có TK 338(3381)

Sang tháng sau, khi xác định được nguyên nhân, tùy theo trường hợp ghi:

Nợ TK 3381: Số chênh lệch được xử lý

Có TK 112: Nếu do Ngân hàng ghi nhầm

Có TK 511, 711, 131, 515: Nếu do kế toán ghi thiếu

- Nếu số liệu Ngân hàng nhỏ hơn số liệu kế toán, ghi số chênh lệch:

Nợ TK 138(1381)

Có TK 112

Khi xác định được nguyên nhân

Nợ TK 112: Nếu do Ngân hàng ghi thiếu

Nợ TK 511, 515, 711, 331: Nếu do kế toán ghi thừa

Có TK 138 (1381): Xử lý số chênh lệch

TK 111	TK112	TK111
Gửi tiền vào Ngân hàng	Rút tiền gửi Ngân hàng	
	nhập quỹ	
TK 131,136,138		TK 141,144,244
Thu hồi các khoản nợ phải thu	Chi tạm ứng, ký cược, ký quỹ	
TK 141, 144, 244		TK 152,153,156
Thu hồi các khoản ký cược, ký quỹ	Mua vật tư, hàng hoá	
		TK133
TK121,128,221		VAT đầu vào
Thu hồi các khoản đầu tư		
TK 331,341		TK 311,331, 315,333...
Vay ngắn hạn, dài hạn	Thanh toán nợ	
TK 411,441		TK 627, 641,642
Nhận vốn góp	Chi phí phát sinh	
TK 511,512,515,711		TK 121,128, 221
Doanh thu và thu nhập khác	Đầu tư ngắn hạn, dài hạn	
TK3331		
Thuế GTGT phải nộp		

Bảng 1.4: Sơ đồ TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”

1.6 Kế toán tiền đang chuyển

1.6.1 Khái niệm và nội dung tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của Doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc hoặc đã gửi qua Bưu điện để chuyển cho Ngân hàng hay người được hưởng hoặc số tiền mà doanh nghiệp đã làm thủ tục chuyển từ tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo hay bảng sao kê của Ngân hàng. Theo quy định, các loại tiền Việt Nam và ngoại tệ sau đây được hạch toán vào tiền đang chuyển (đang trong thời gian làm thủ tục thanh toán, chuyển khoản):

- Thu tiền mặt, séc, ngân phiếu nộp thẳng cho Ngân hàng
- Chuyển tiền qua Bưu điện để cho ngân hàng hay các đối tượng khác.
- Thu tiền hàng nộp thuế ngay cho Kho bạc Nhà nước, không nhập quỹ (giao tay ba giữa Doanh nghiệp, người mua và kho bạc).

Tiền đang chuyển là tài sản bằng tiền, thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, đang nằm trong quá trình trung gian khi những nghiệp vụ kinh tế chính chưa hoàn thành. Đây là một trong những nội dung cần quản lý chặt chẽ, nhằm thực hiện tốt những trách nhiệm khác, không để sai sót khi những nghiệp vụ kinh tế cuối cùng chưa hoàn thành.

1.6.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy nộp tiền
- Biên lai thu tiền
- Phiếu chuyển tiền
- Một số chứng từ có liên quan khác

1.6.3 Tài khoản hạch toán

Các khoản tiền đang chuyển được theo dõi trên tài khoản 113 “Tiền đang chuyển”. Tài khoản này có kết cấu như sau:

Nợ

TK 113 “Tiền đang
chuyển”

Có

Số dư đầu kỳ:

Số phát sinh trong kỳ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng hay người được hưởng nhưng chưa nhận được giấy báo Có.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Tổng số phát sinh Nợ

Số dư cuối kỳ:

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ

- Số kết chuyển vào TK 112 hoặc tài khoản có liên quan
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Tổng số phát sinh Có

TK 113 gồm 2 tiểu khoản:

- TK 1131: Tiền Việt Nam
- TK 1132: Ngoại tệ

1.6.4 Nguyên tắc hạch toán

Kế toán phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng hay Kho bạc Nhà nước, đã gửi qua bưu điện chuyển trả cho các đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để chuyển trả cho các đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo hay bản sao kê của Ngân hàng.

1.6.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

- ❖ Thu tiền bán hàng bằng tiền mặt, bằng séc không nhập quỹ mà nộp thẳng vào Ngân hàng, chưa nhận được giấy báo Có
 - Nợ TK 113: Tổng số tiền đang chuyển
 - Có TK 511: Doanh thu bán hàng
 - Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp
- ❖ Thu tiền nợ, tiền ứng trước của người mua ... bằng tiền mặt, bằng séc không nhập quỹ mà nộp thẳng vào Ngân hàng chưa nhận được giấy báo Có
 - Nợ TK 113: Tổng số tiền đang chuyển
 - Có TK 131: Thu nợ người mua hoặc tiền tạm ứng trước
- ❖ Xuất tiền mặt gửi vào Ngân hàng hay chuyển qua bưu điện nhưng chưa nhận được giấy báo của Ngân hàng hay người được hưởng
 - Nợ TK 113
 - Có TK 111
- ❖ Chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi Ngân hàng đến cho đối tượng khác nhưng chưa nhận được giấy báo hay bảng sao kê của Ngân hàng
 - Nợ TK 113
 - Có TK 112
- ❖ Nhận được giấy báo của Ngân hàng, Bưu điện số tiền đang chuyển trong kỳ
 - Nợ TK 112: Chuyển vào TK tiền gửi tại Ngân hàng
 - Nợ TK 331: Thanh toán hoặc đặt trước cho người cung cấp
 - Nợ TK 311, 315: Thanh toán tiền vay, nợ
 - Có TK 133: Số tiền đang chuyển đã đến tay người nhận

TK 111	TK113	TK112
Xuất tiền gửi vào Ngân hàng	Nhận được giấy báo Có của	
nhưng chưa nhận được báo Có	Ngân hàng	
TK 131		TK 311
Thu hồi nợ nộp thẳng vào	Nhận được báo Nợ của Ngân	
Ngân hàng chưa nhận báo Có	hàng về số tiền đã trả nợ	
TK 511, 512, 515, 711		
Thu tiền nộp thẳng vào Ngân		
hàng		
TK 333(3331)		
Thuế GTGT phải nộp		
TK 413		TK 413
Chênh lệch tăng tỷ giá hối	Chênh lệch giảm tỷ giá hối	
đoái khi đánh giá lại	đoái khi đánh giá lại	

Bảng 1.5: Sơ đồ TK 113 “Tiền đang chuyển”

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHI LĂNG

2.1 Tổng quan về công ty TNHH Thương mại Chi Lăng

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại Chi Lăng

a. Giới thiệu chung về công ty TNHH thương mại Chi Lăng

- Tên tiếng Anh: Chi Lang Trading Company Limited
- Tên viết tắt: Chi Lang Trade Co., Ltd
- Trụ sở: Số 381 đường 5 cũ – Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng
- Điện thoại: (0313) 798766
- Fax: 0313 798877
- Mã số thuế: 0200625351
- Người đại diện: Ông Nguyễn Trọng Hoạt

b. Các ngành nghề mà công ty đang kinh doanh:

- Kinh doanh gas hóa lỏng và thiết bị dùng gas
- Dịch vụ vận tải hàng hóa thủy – bộ
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa

c. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

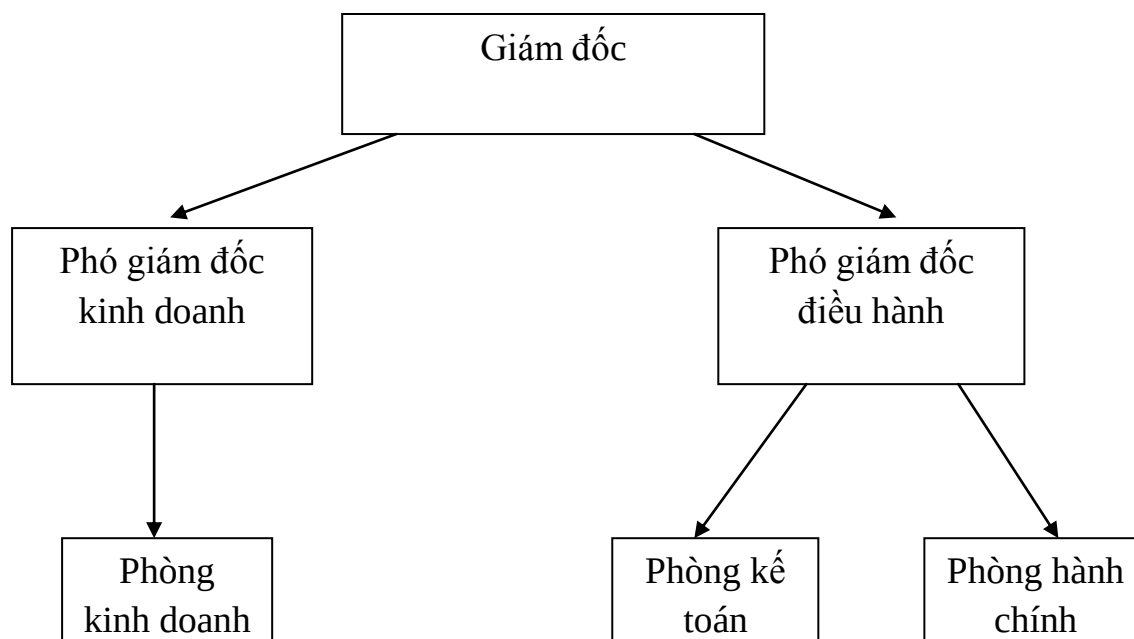
Công ty có tư cách pháp nhân và hoạt động theo luật doanh nghiệp từ tháng 5/2005, theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC. Kể từ khi hoạt động, công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh 3 lần, lần thay đổi gần đây nhất là tháng 3 năm 2008.

2.1.2 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH thương mại Chi Lăng

- Bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại Chi Lăng được tổ chức theo hình thức trực tuyến chức năng, nghĩa là các phòng ban của công ty có liên hệ chặt chẽ với nhau và cùng chịu sự quản lý của ban giám đốc gồm Giám đốc và 2

Phó giám đốc. Các trưởng phòng quản lý nhân viên và tham gia hoạt động kinh doanh.

a. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty



b. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban trong công ty

❖ **Giám đốc:** là người đứng đầu công ty, là người lãnh đạo công ty về mọi công việc, bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của công ty. Đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành về mọi hoạt động của công ty.

❖ **Phó giám đốc:** là người giúp giám đốc phụ trách một số việc của công ty. Đồng thời chịu trách nhiệm trước giám đốc và pháp luật nhà nước về hiệu quả do giám đốc uỷ nhiệm.

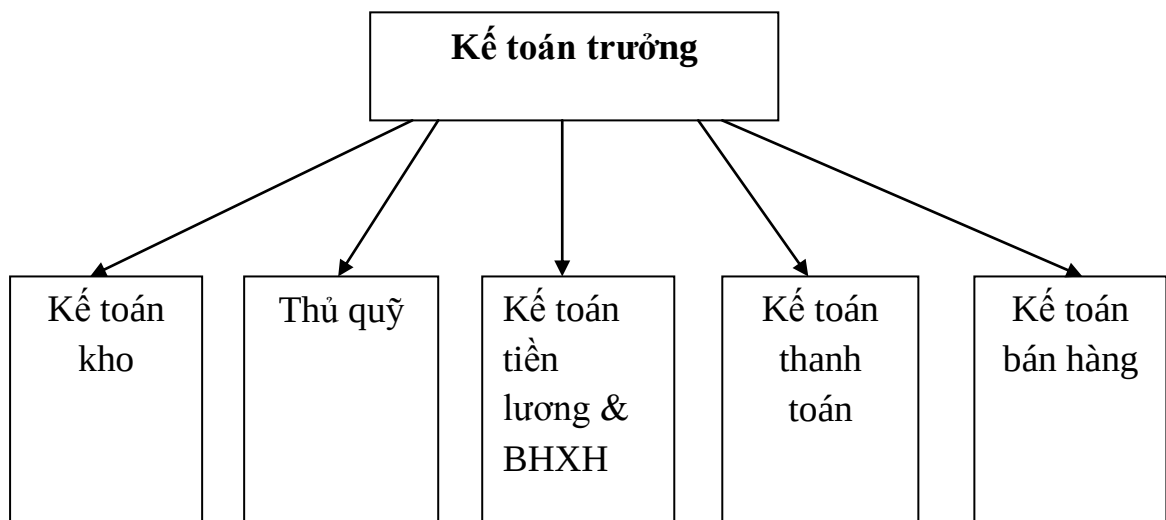
❖ **Phòng kinh doanh:** có trách nhiệm tư vấn cho khách hàng về chất lượng, giá cả của từng loại gas, lập chương trình hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh tế, xây dựng nội quy, quy chế của công ty. Đồng thời có nhiệm vụ liên lạc với khách hàng nhằm tìm kiếm các đơn đặt hàng và phụ trách bán hàng tại gian trưng bày sản phẩm của công ty.

❖ **Phòng kế toán:** giúp cho lãnh đạo công ty trong công tác hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh của công ty. Báo cáo tình hình tài chính với các cơ quan chức năng nhà nước, xây dựng kế hoạch tài chính của công ty, xác định nhu cầu về vốn của công ty, tình hình hiện có và sự biến động của tài sản hiện có của công ty.

❖ **Phòng hành chính:** tham mưu cho giám đốc về công tác quy hoạch cán bộ, tổ chức cán bộ, thực hiện đúng các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu sản xuất của đơn vị. Hành chính, lưu trữ, quản trị văn phòng, xây dựng cơ chế trả lương hợp lý cho cán bộ công nhân viên với mục đích khuyến khích người lao động và quản lý kiểm tra xử lý những trường hợp bất hợp lý, có kế hoạch đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, chăm sóc sức khỏe và an toàn lao động.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

a. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty



b. Chức năng của từng kế toán viên

❖ **Kế toán trưởng:** Là người tổ chức toàn diện công tác kế toán thống kê, thông tin kinh tế và hệ thống kinh tế của toàn công ty. Kiểm tra việc hạch toán, việc chấp hành, việc thực hiện của các bộ phận kế toán, là người chịu trách nhiệm trước giám đốc về hoạt động kế toán tài chính của công ty. Cuối kỳ kế toán, kế

toán trưởng tập hợp số liệu từ các phòng ban, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

❖ **Các kế toán viên:** có nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin kế toán phát sinh hàng ngày một cách chính xác đảm bảo đúng chế độ kế toán hiện hành.

- **Kế toán thanh toán kiêm kế toán công nợ:** Viết hoá đơn thanh toán, hàng ngày báo cáo tổng số thanh toán tiền hàng toàn công ty, lập chứng từ ban đầu, hạch toán các khoản công nợ hàng bán phát sinh thường xuyên, báo cáo cho kế toán trưởng về tiến độ thu hồi công nợ.

- **Thủ quỹ:** có nhiệm vụ quản lý và nhập xuất tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ thực tế, đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

- **Kế toán kho:**

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình hình biến động về giá cả hàng hoá, tính toán chính xác giá gốc (hoặc giá thành thực tế) của từng loại mặt hàng nhập, xuất tồn kho, đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý hàng hóa của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch mua, dự trữ và sử dụng từng loại hàng hoá đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty.

- **Kế toán bán hàng:** thực hiện nhiệm vụ liên lạc với khách hàng nhằm tìm kiếm các đơn đặt hàng và phụ trách bán hàng tại gian trưng bày sản phẩm.

- **Kế toán tiền lương và BHXH:** Kiểm tra theo dõi việc thanh toán lương của nhân viên trong công ty, tính và trích BHXH cho từng người theo tháng.

2.1.4 Một số đặc điểm về hình thức kế toán tại công ty

a. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty

- Chế độ kế toán áp dụng: Quyết định 48/2006/ QĐ-BTC của Bộ Tài chính
- Niên độ kế toán: Bắt đầu: 01/01 Kết thúc: 31/12
- Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Hình thức kế toán mà công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung

Đặc điểm của hình thức này là Sổ nhật ký chung là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh theo trình tự thời gian đồng thời phản ánh theo quan hệ đối ứng tài khoản để phục vụ việc ghi sổ cái. Số liệu ghi trên sổ nhật ký chung được dùng làm căn cứ để ghi vào sổ cái.

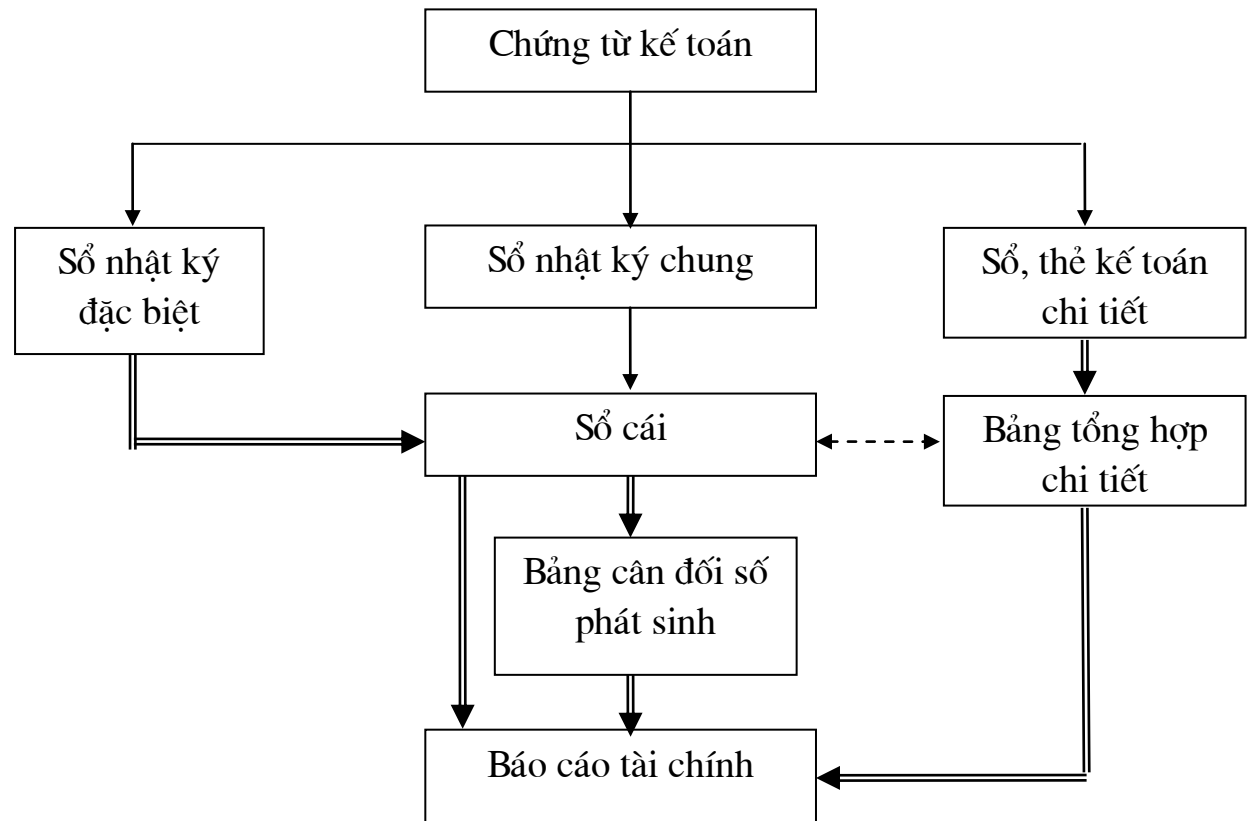
Về nguyên tắc tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký chung. Tuy nhiên, trong trường hợp một hoặc một số đối tượng kế toán có số lượng phát sinh lớn, để đơn giản hoặc giảm bớt số lượng ghi sổ cái, doanh nghiệp có thể mở các sổ nhật ký đặc biệt để ghi riêng các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các đối tượng kế toán đó.

- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Giá trị hàng hoá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
- Thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính.
- Hệ thống báo cáo tài chính của công ty:
 - Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – DNN)
 - Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu số B02 – DNN)
 - Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B04 – DNN)

Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như:

- Bảng cân đối số phát sinh (Mẫu số S04 – DNN)
- Báo cáo thuế
- ...

b. Sơ đồ ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =====>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm kế toán phải khoá sổ cái, cộng tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có, tính ra số dư của từng tài khoản, đồng thời tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết vào bảng tổng hợp chi tiết.
- Căn cứ số liệu trên sổ cái, kế toán sẽ lập Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính sau khi đã đối chiếu, khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.

2.2 Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng

2.2.1 Đặc điểm chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Do phương thức hoạt động của công ty không sử dụng đến ngoại tệ hay vàng, bạc, kim loại quý, đá quý nên công ty chỉ sử dụng 2 tài khoản: TK 111(1111) “Tiền mặt” và TK 112 (1121) “Tiền gửi ngân hàng”, không sử dụng TK 113 “Tiền đang chuyển”.

2.2.2 Kế toán tiền mặt tại công ty

a. Tài khoản sử dụng:

- Sử dụng TK 111 “Tiền mặt” để phản ánh tình hình thu chi tiền mặt tại quỹ của công ty. Do công ty không sử dụng ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thanh toán trong các giao dịch nên TK 111 chỉ sử dụng TK cấp 1 để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản khác có liên quan như: TK 112, 131, 141, 331, ...

b. Chứng từ sử dụng:

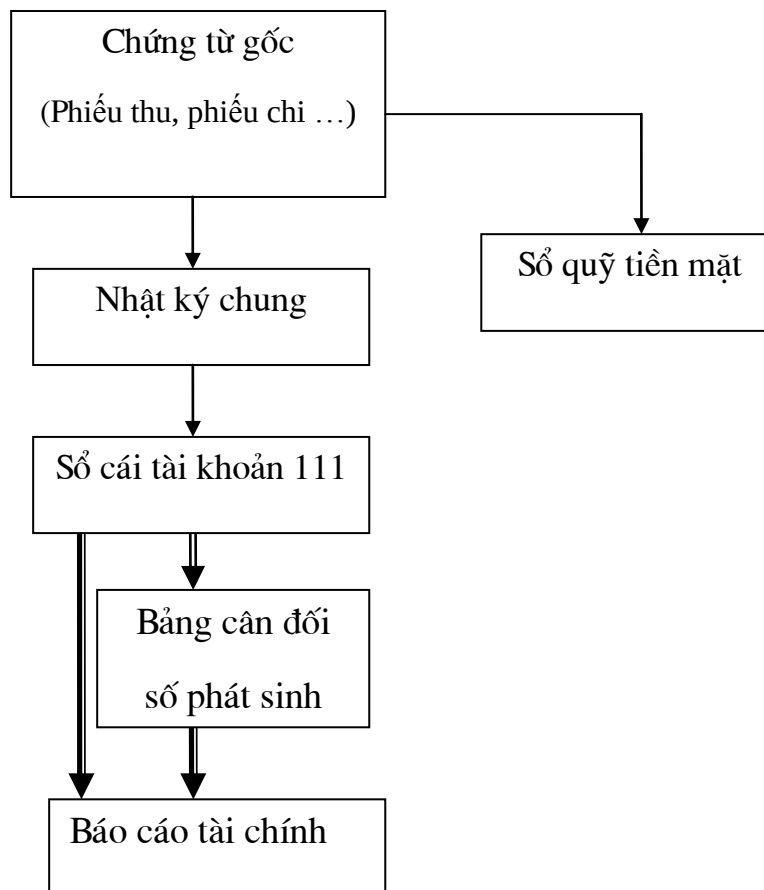
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Giấy thanh toán tạm ứng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Sổ quỹ tiền mặt
- Các chứng từ khác có liên quan

c. Các quy định trong hạch toán tiền mặt tại công ty

- Đơn vị sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)
- Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thu, chi tiền mặt kế toán phải tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi, ...

- Phiếu thu được lập thành 3 liên: thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên lưu lại nơi lập phiếu, 1 liên giao cho người nộp tiền. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu được thủ quỹ chuyển cho kế toán để ghi sổ. Phiếu thu được kèm với hóa đơn giá trị gia tăng (liên 3) khi công ty bán hàng thu tiền mặt.
- Phiếu chi được lập thành 3 liên: liên 1 lưu ở nơi lập phiếu, liên 2 thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để ghi sổ kế toán, liên 3 giao cho người nhận tiền. Phiếu chi được kèm với hóa đơn giá trị gia tăng (liên 2) khi công ty chi tiền mặt mua hàng hóa, vật tư ...
- Phiếu thu, phiếu chi phải được kế toán trưởng và giám đốc ký rồi mới đóng dấu trước khi chuyển ra ngoài.
- Với những nghiệp vụ chi tiền tạm ứng thì các cá nhân có nhu cầu tạm ứng phải viết phiếu đề nghị tạm ứng rồi gửi lên phòng kế toán của công ty. Sau khi được sự đồng ý tạm ứng của kế toán trưởng và Giám đốc, kế toán lập phiếu chi và thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi này mà chi tiền cho người đề nghị tạm ứng.
- Việc thanh toán mọi khoản chi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phải tuân thủ quy định về chứng từ thanh toán theo quy định của Bộ tài chính, cụ thể:
 - + Những trường hợp chi các khoản không có hóa đơn như: thuê cá nhân, chi hoa hồng môi giới ... thì người giao nhiệm vụ chi tiêu phải lập báo cáo về số tiền chi có xác nhận của trưởng đơn vị trực tiếp quản lý và có sự xét duyệt của Giám đốc là duyệt chi.
 - + Các chứng từ mua hàng của đơn vị (kể cả trường hợp chưa thanh toán) phải chuyển cho kế toán trưởng để phục vụ cho việc lập tờ khai báo cáo thuế hàng tháng.
- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý nhập, xuất tiền mặt, vào sổ quỹ tiền mặt. Hàng ngày phải kiểm kê số tồn quỹ thực tế so với sổ sách kế toán.
- Hàng ngày, kế toán phải đối chiếu với sổ quỹ của thủ quỹ và cuối tháng phải đối chiếu với sổ cái TK 111.

d. Sơ đồ luân chuyển tiền mặt



Ghi hàng ngày: —————>

Ghi theo tháng: =====>

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc như hóa đơn giá trị gia tăng, giấy đề nghị tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán ... kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi thành 3 liên. Một liên lưu lại nơi lập, hai liên còn lại chuyển cho kế toán trưởng, giám đốc soát xét và ký duyệt. Sau khi được duyệt, phiếu thu, phiếu chi được chuyển cho thủ quỹ tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt, đóng dấu và ký vào phiếu thu, phiếu chi và chuyển cho kế toán.

- Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi ... kế toán vào sổ Nhật ký chung. Tiếp đó từ sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 111.

- Cuối tháng, kế toán tổng hợp kiểm tra đối chiếu số liệu trên sổ cái TK 111 với số liệu trên các sổ tổng hợp. Số dư cuối kỳ của sổ cái TK 111 là số liệu để lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

e. Kế toán tăng tiền mặt tại công ty

 Các nguồn thu chủ yếu làm tăng tiền mặt của công ty

- Thu từ bán hàng hóa
- Thu hồi các khoản nợ phải thu về nhập quỹ
- Thu hồi tạm ứng thừa nhập quỹ
- Nhận vốn góp kinh doanh bằng tiền mặt
- Thu từ thanh lý nhượng bán

 Cách lập phiếu thu:

- Khi phát sinh các nghiệp vụ thu tiền liên quan đến tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu.
 - Phiếu thu được kế toán lập thành 3 liên:
 - + Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu.
 - + Liên 2: Giao cho người nộp tiền.
 - + Liên 3: Kế toán dùng để ghi sổ nhật ký và lưu cùng chứng từ gốc.
 - Phiếu thu có ghi rõ tên và địa chỉ công ty.
 - Phiếu thu được đóng thành quyển và ghi số từng quyển dùng trong 1 năm. Số phiếu thu được đánh liên tục đảm bảo nguyên tắc không nhảy cách, không trùng lặp. Trong mỗi phiếu thu phải ghi rõ ngày, tháng, năm lập phiếu và ngày, tháng, năm thu tiền.
 - Dòng “Lý do nộp” ghi rõ nội dung nộp tiền
 - Dòng “Số tiền” ghi bằng số và bằng chữ số tiền nộp quỹ, ghi rõ đơn vị tính.
 - Ghi rõ số lượng chứng từ gốc kèm phiếu thu.
 - Kế toán ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu thu và ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng soát xét và giám đốc ký duyệt, rồi chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ.
 - Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên.

 Một số nghiệp vụ tăng tiền mặt phát sinh

Ví dụ 1: Ngày 4/12/2011, bán hàng cho công ty TNHH Trường Bình Minh 948 kg KHL LPG – L12, đơn giá 17. 272, 73 đ/kg, VAT 10%. Công ty đã thu tiền hàng của công ty TNHH Trường Bình Minh bằng tiền mặt.

- Khi công ty TNHH Trường Bình Minh mua hàng và thanh toán ngay bằng tiền mặt, kế toán tiến hành viết hóa đơn GTGT. Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu
- + Liên 2: Giao cho người mua hàng
- + Liên 3: Nội bộ

- Căn cứ vào hóa đơn bán hàng, kế toán lập phiếu thu, phiếu thu được lập thành 3 liên, 1 liên lưu ở nơi lập phiếu, 2 liên còn lại chuyển cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt. Sau khi được ký duyệt, phiếu thu được chuyển cho Thủ quỹ. Thủ quỹ thu tiền và tiến hành ghi số tiền thực nhận vào phiếu thu, đóng dấu đã thu và ký nhận vào phiếu thu. Phiếu thu được giao 1 liên (liên 2) cho người nộp tiền, 1 liên được giữ lại để ghi vào sổ quỹ.

- Kế toán định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung như sau:

Nợ TK 111: 18.012.000

Có TK 511: 16.374.545

Có TK 3331: 1.637.455

- Cuối ngày kế toán kẹp các phiếu thu và hóa đơn GTGT liên 3 với nhau làm chứng từ gốc. Từ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 111.

- Thủ quỹ có trách nhiệm vào sổ quỹ tiền mặt căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi đã được thực hiện nhập xuất quỹ hàng ngày.

Khóa luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001																		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/11P																		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0084446																		
Ngày ..4... tháng.....12... năm 2011																					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Chi Lăng.....																					
Địa chỉ: Đường 5 cũ An Trì – Hùng Vương – Hải Phòng.....																					
Số tài khoản:																					
Điện thoại:.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>2</td><td>5</td><td>3</td><td>5</td><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>						0	2	0	0	6	2	5	3	5	1						
0	2	0	0	6	2	5	3	5	1												
Họ tên người mua hàng:																					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Trường Bình Minh																					
Số tài khoản:																					
Hình thức thanh toán:TM.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>5</td><td>7</td><td>4</td><td>3</td><td>5</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>						0	2	0	0	4	5	7	4	3	5						
0	2	0	0	4	5	7	4	3	5												
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																
A	B	C	1	2	3																
1	Khí hóa lỏng LPG 12	kg	948	17.272,73	16.374.545																
Cộng tiền hàng: 16.374.545																					
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 1.637.455																					
Tổng cộng tiền thanh toán: 18.012.000																					
Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu không trăm mười hai nghìn đồng chẵn./.																					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng Đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>																	
		Nguyễn H. Trang		Nguyễn Văn Sáng																	
In tại Công ty TNHH In và Quảng cáo Hợp Thành - ĐC 254 Lê Lợi, Ngõ Quyền, Hải Phòng- MST: 0200584428																					

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số: 01 – TT

Địa chỉ: 381 Đường 5 cũ Hùng Vương –HB-
HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 04 tháng 12 năm 2011

Quyển số: 82

Số: 009/12

Nợ TK 111: 18.012.000

Có TK 3331: 1.637.455

Có TK 511: 16.374.545

Họ tên người nộp tiền: Công ty TNHH Trường Bình Minh

Địa chỉ: Số 11/5 Phù Đồng – Minh Khai – Hồng Bàng - HP

Lý do thu: Trả tiền mua hàng

Số tiền: 18.012.000

Viết bằng chữ: Mười tám triệu không trăm mười hai nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc HĐGTGT 84446

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

- + Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....
- + Số tiền quy đổi:.....

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số: 01 – TT

Địa chỉ: 381 Đường 5 cũ Hùng Vương –HB-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Quyển số: 82

Số: 025/12

Nợ TK 111: 2.010.000

Có TK 141: 2.010.000

Họ tên người nộp tiền: Bùi Văn Minh

Địa chỉ: Phòng Kinh doanh

Lý do thu: tiền tạm ứng thừa

Số tiền: 2.010.000

Viết bằng chữ: Hai triệu không trăm mười nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc GTTTU 10/12

Giám đốc
(Ký, họ tên)
Nguyễn V.Sáng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Nguyễn H.Trang

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)
Bùi Văn Minh

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

f. Kế toán giảm tiền mặt tại công ty

 Các khoản chi chủ yếu của công ty

- Chi mua công cụ dụng cụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh
- Chi mua sản phẩm, hàng hóa về bán
- Chi mua thanh toán tiền công, tiền lương cho công nhân viên
- Chi nộp thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước
- Các khoản chi khác: quảng cáo, tiếp thị, tiếp khách...

 Cách lập phiếu chi

- Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến chi tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu chi.

- Phiếu chi được kế toán lập thành 3 liên:
 - + Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu
 - + Liên 2: Giao cho người nhận tiền
 - + Liên 3: Kế toán dùng để ghi sổ và lưu cùng chứng từ gốc
- Phiếu chi có ghi rõ tên và địa chỉ của công ty
- Ghi rõ tên và địa chỉ người nhận tiền
- Dòng “Lý do chi” ghi rõ nội dung chi tiền
- Dòng “Số tiền” ghi bằng số và bằng chữ số tiền xuất quỹ, ghi rõ đơn vị tính.
- Ghi rõ số lượng chứng từ gốc kèm phiếu chi.
- Phiếu chi được đóng thành quyển, trong mỗi phiếu chi phải ghi rõ số quyển và số của từng phiếu chi. Số phiếu chi được đánh liên tục trong 1 kỳ kế toán. Từng phiếu chi phải ghi rõ ngày, tháng, năm lập và ngày tháng năm chi tiền.
 - Chỉ sau khi có đủ chữ ký của người lập phiếu, kế toán trưởng và giám đốc thì thủ quỹ mới được xuất quỹ.
 - Sau khi nhận tiền, người nhận tiền phải ghi số tiền đã nhận, ký và ghi rõ họ tên vào phiếu chi.

 Một số nghiệp vụ giảm tiền mặt phát sinh

Ví dụ 3: Ngày 02 tháng 12 năm 2011, Công ty TNHH TM Chi Lăng mua hàng của Công ty Xăng Dầu KV III, hàng mua về đã nhập kho. Trị giá hàng mua chưa thuế GTGT 3.012.272. Công ty TNHH TM Chi Lăng đã thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT (liên 2), kế toán tiến hành lập phiếu chi, phiếu chi được lập làm 3 liên:
 - + Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu
 - + Liên 2: Giao cho người nhận tiền
 - + Liên 3: Kế toán dùng để ghi sổ và lưu cùng chứng từ gốc
- Sau đó, kế toán chuyển phiếu chi cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt rồi chuyển cho Thủ quỹ làm thủ tục xuất quỹ. Người nhận tiền sau khi đã nhận đủ số tiền phải ký vào phiếu chi rồi Thủ quỹ đóng dấu đã chi và ký vào phiếu chi. Căn cứ vào sổ tiền thực chi, Thủ quỹ ghi vào sổ quỹ.
- Kế toán định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung như sau:

Nợ TK 156: 3.012.272

Nợ TK 133: 301.228

Có TK 111: 3.313.500
- Từ Nhật ký chung, Kế toán vào sổ cái TK 111
- Cuối ngày, Kế toán kẹp các phiếu chi và hóa đơn GTGT (liên 3) với nhau làm chứng từ gốc.

Khóa luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho người mua

Mẫu số:01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/11P

Số: 0072059

Ngày ..02... tháng.....12... năm 2011

Đơn vị bán hàng: Cửa hàng Xăng dầu Thượng Lý – Công ty Xăng dầu KV III

Địa chỉ:Thượng Lý – Hồng Bàng - HP

Số tài khoản:

Điện thoại:.....MS:

0	2	0	0	1	2	0	8	3	3								
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Chi Lăng.....

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:TM.....

MS:

0	2	0	0	6	2	5	3	5	1								
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Dầu Diesel 0,05%S	Lít	235	12.818,18	3.012.272
Cộng tiền hàng: 3.012.272					
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 301.228					
Tổng cộng tiền thanh toán: 3.313.500					
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu ba trăm mười ba nghìn năm trăm đồng chẵn./.					
Người mua hàng <i>(Ký,ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng Đơn vị <i>(Ký, đóng dấu,ghi rõ họ tên)</i>	

In tại Công ty cổ phần ACS Việt Nam – ĐC: số 5 Hồ Xuân Hương, Hải Phòng – MST: 0200124348

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số: 02 – TT

Địa chỉ: 381 Đường 5 cũ Hùng Vương –HB-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Quyển số: 85

Số: 003/12

Nợ TK 156: 3.012.272

Nợ TK 133: 301.228

Có TK 111: 3.313.500

Họ tên người nhận tiền: Cửa hàng xăng dầu Thượng Lý

Địa chỉ: Thượng Lý – Hồng Bàng – HP

Lý do chi: Thanh toán tiền mua hàng

Số tiền: 3.313.500

Viết bằng chữ: Ba triệu ba trăm mười ba nghìn năm trăm đồng chẵn./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc HĐ GTGT 0072059

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Ví dụ 4: Ngày 09 tháng 12 năm 2011, tạm ứng tiền cho anh Bùi Văn Minh – phòng Kinh doanh số tiền 18.000.000 mua máy tính.

- Ngày 09/12/2011, anh Bùi Văn Minh viết giấy đề nghị tạm ứng.
- Sau khi giấy đề nghị tạm ứng được Kế toán trưởng và Giám đốc xét duyệt. Kế toán tiến hành lập phiếu chi số 014, chuyển phiếu chi (liên 2) cho Thủ quỹ. Thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi có đầy đủ chữ ký của Kế toán trưởng và Giám đốc làm thủ tục xuất quỹ.
- Thủ quỹ căn cứ vào số tiền thực chi ghi vào sổ quỹ.

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Mẫu số: 03 - TT

Bộ phận: Phòng kinh doanh

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

Số:

Kính gửi: Giám đốc công ty TNHH TM Chi Lăng

Tên tôi là: Bùi Văn Minh

Địa chỉ: Phòng Kinh doanh

Đề nghị cho tôi tạm ứng số tiền: 18.000.000

Viết bằng chữ: Mười tám triệu đồng chẵn./.

Lý do tạm ứng: Mua máy vi tính

Thời hạn thanh toán:

Giám đốc	Kế toán trưởng	Phụ trách bộ phận	Người đề nghị tạm ứng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn V.Sáng	Nguyễn H.Trang	Trần N.Mai	Bùi Văn Minh

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số: 02 – TT

Địa chỉ: 381 Đường 5 cũ Hùng Vương –HB-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Quyển số: 85

Số: 014/12

Nợ TK 141: 18.000.000

Có TK 111: 18.000.000

Họ tên người nhận tiền: Bùi Văn Minh

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: tạm ứng tiền mua hàng

Số tiền: 18.000.0000

Viết bằng chữ: Mười tám triệu đồng chẵn

Kèm theo: ... chứng từ gốc

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số: S03-DNN

Địa chỉ: 381 đường 5 cũ Hùng Vương- HB-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự dòng	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			...				...	...
02/12	PC003	02/12	Mua hàng hóa nhập kho	v v v		156 133 111	3.012.272 301.228	3.313.500
			...				...	...
04/12	84446	04/12	Công ty TNHH Trường Bình Minh	v v v		111 511 3331	18.012.000	16.374.545 1.637.455
			...				...	...
09/12	PC014	09/12	Chi tiền tạm ứng	v v		141 111	18.000.000	18.000.000
			...				...	...
10/12	PT025	10/12	Thu hồi tiền tạm ứng thừa	v v		111 141	2.010.000	2.010.000
			...				...	...
25/12	PT047	25/12	Công ty TNHH CN Tiên Tiến	v v		111 131	15.104.000	15.104.000
			...				...	...
			Cộng SPS				332.501.515.213	332.501.515.213

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
Trần P.Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Nguyễn H.Trang

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)
Nguyễn V.Sáng

(Trích nhật ký chung năm 2011)

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: 381 đường 5 cũ Hùng Vương- HB-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên TK: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SDDK:</u>				<u>1.149.001.651</u>	
			...				...	...
02/12	PC003	02/12	Mua hàng nhập kho			156 133		3.012.272 301.228
			...				...	...
04/12	84446	04/12	Công ty TNHH Trường Bình Minh			511 3331	16.374.545 1.637.455	
			...				...	...
09/12	PC014	09/12	Chi tiền tạm ứng			141		18.000.000
			...				...	...
10/12	PT025	10/12	Thu hồi tiền tạm ứng thừa			141	2.010.000	
			...				...	...
25/12	PT047	25/12	Công ty TNHH CN Tiên Tiến			131	15.104.000	
			...			...	...	
			Cộng SPS trong tháng				725.329.980	535.444.326
			<u>SDCK:</u>				<u>1.338.887.305</u>	
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
Trần P.Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Nguyễn H.Trang

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Nguyễn H.Trang

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: 381 đường 5 cũ Hùng Vương- HB-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
				SĐĐK			1.149.001.651
				...	...	...	...
02/12	02/12		003	Mua hàng hóa nhập kho		3.313.500	1.781.287.713
				...			...
04/12	04/12	009		Bán hàng cho công ty TNHH Trường Bình Minh	18.012.000		1.147.275.232
04/12	04/12		010	Nộp tiền vào TKNH		100.000.000	1.047.275.232
				...	...	...	...
09/12	09/12		014	Chi tiền tạm ứng		18.000.000	982.174.409
				...	...	...	...
10/12	10/12	025		Thu hồi tiền tạm ứng thừa	2.010.000		981.301.682
				...	...	...	...
25/12	25/12	047		Công ty TNHH CN Tiên Tiến thanh toán tiền	15.104.000		980.731.682
					...	..	...
				Cộng SPS	725.329.980	535.444.326	
				SDCK			1.338.887.305

(Trích sổ quỹ tiền mặt tháng 12 năm 2011)

2.2.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty

- Công ty TNHH TM Chi Lăng mở tài khoản tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hải Phòng.
- Kế toán tiền gửi ngân hàng phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Toàn bộ vốn bằng tiền của doanh nghiệp, trừ số tiền mặt giữ lại tại quỹ, còn lại đều gửi vào tài khoản mở tại Ngân hàng.
- Thực hiện ghi sổ và lập Báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VNĐ).

a. Tài khoản sử dụng

- Sử dụng Tài khoản 112 “Tiền gửi ngân hàng” để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thông qua các tài khoản mở tại Ngân hàng.
- Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản khác có liên quan.

b. Chứng từ sử dụng

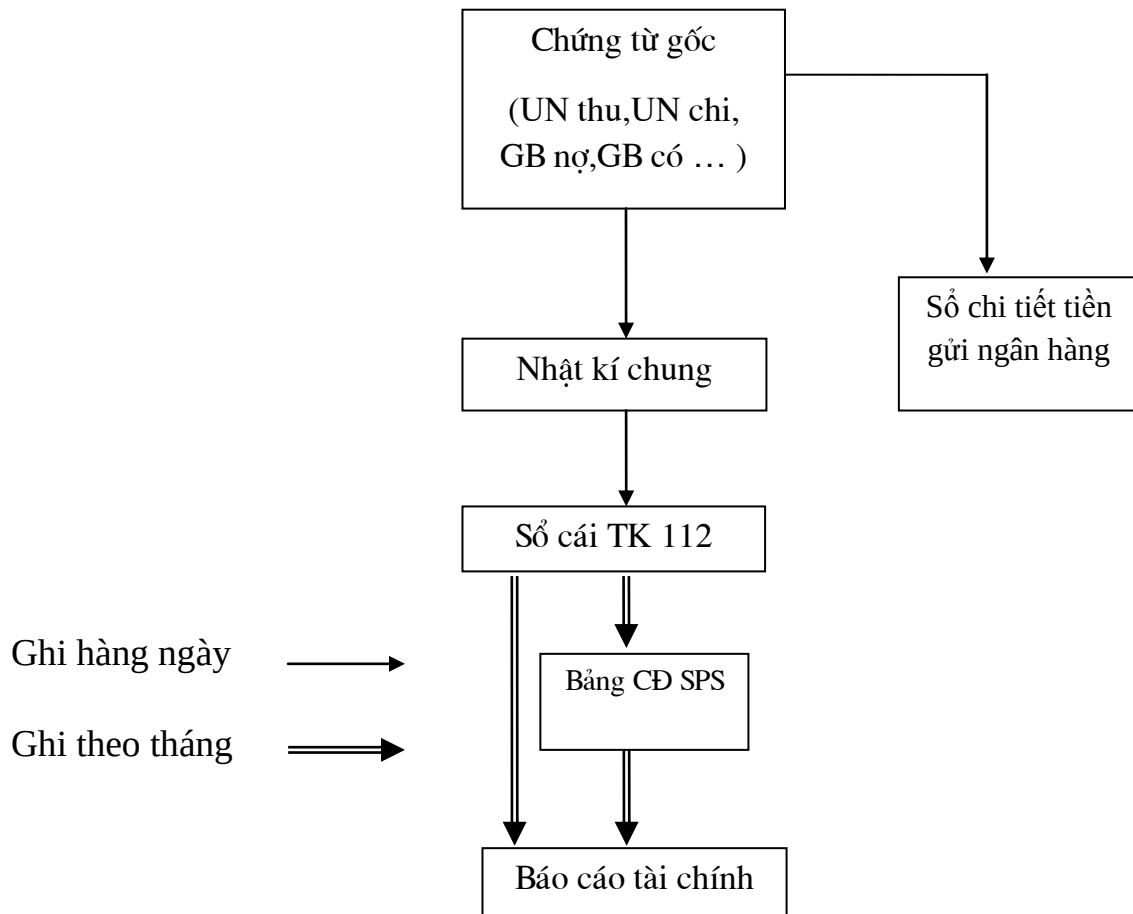
- Ủy nhiệm chi
- Ủy nhiệm thu
- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Sổ phụ ngân hàng
- Bản sao kê
- Các giấy tờ khác có liên quan

c. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng ngày hoặc cuối tháng khi nhận được giấy báo Nợ, giấy báo Có, bản sao kê kèm theo chứng từ gốc (Ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu ...) do Ngân hàng gửi đến, Kế toán thực hiện việc ghi sổ, sau đó đối chiếu với số liệu ở sổ kế toán với số liệu của Ngân hàng. Nếu có chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu trên chứng từ gốc với số liệu của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và kịp thời xử lý. Đến cuối tháng, nếu chưa xác định được nguyên nhân thì phần chênh lệch được ghi vào

bên Nợ của TK 1381 “Tài khoản thiếu chờ xử lý” hoặc bên Có của TK 3381 “Tài khoản thừa chờ xử lý”.

d. Sơ đồ luân chuyển tiền gửi ngân hàng



e. Các nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng

- Thu từ tiền bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ
- Thu từ lãi tiền gửi ngân hàng
- Thu từ góp vốn liên doanh
- Gửi tiền mặt vào ngân hàng
- ...

 **Một số nghiệp vụ tăng tiền gửi phát sinh tại công ty**

Ví dụ 1:

Ngày 04 tháng 12 năm 2011, gửi tiền mặt vào Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hải Phòng. Số tiền 100.000.000 đồng.

- Khi công ty TNHH TM Chi Lăng gửi tiền mặt vào ngân hàng, kế toán nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng xác nhận số tiền được chuyển vào tài khoản công ty cùng bảng kê chi tiết giao dịch trong ngày (được Ngân hàng gửi vào cuối tháng).

- Kế toán định khoản và vào sổ Nhật ký chung như sau :

Nợ TK 112: 100.000.000

Có TK 111: 100.000.000

- Từ sổ Nhật ký chung, Kế toán vào Sổ cái TK 112. Số dư cuối kỳ của TK 112 được lấy để vào Bảng cân đối số phát sinh và tổng hợp vào Bảng cân đối kế toán của công ty.

- Đồng thời kế toán vào sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng. Công ty TNHH TM Chi Lăng chỉ mở tài khoản tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng.

- Để theo dõi các khoản tiền gửi tại ngân hàng, Kế toán mở sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng.

▪ Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng được kế toán ghi hàng ngày tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ liên quan đến giao dịch ngân hàng.

▪ Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng giúp kế toán theo dõi khoản tiền gửi vào, rút ra, thanh toán và các giao dịch khác hàng ngày thông qua ngân hàng.

▪ Kế toán có thể dễ dàng đối chiếu với số liệu, chứng từ, số dư tài khoản ngân hàng gửi đến hàng ngày (hoặc cuối tháng).

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số: 02 – TT

Địa chỉ: 381 Đường 5 cũ Hùng Vương –HB-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 04 tháng 12 năm 2011

Quyển số: 85

Số: 010/12

Nợ TK 112: 100.000.000

Có TK 111: 100.000.000

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Phương Thảo

Địa chỉ: Phòng Kế toán

Lý do chi: nộp tiền vào tài khoản ngân hàng

Số tiền: 100.000.000

Viết bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam

Mã GDV: BIDV

Chi nhánh Hải Phòng

Mã KH: 10366

GIẤY BẢO CỐ

Ngày 04 tháng 12 năm 2011

Số GD: 127

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Chi Lăng

Địa chỉ: Số 381 đường 5 cũ An Trì – Hồng Bàng – Hải Phòng

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 32110000297397

Số tiền bằng số: 100.000.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn.

Nội dung: Nộp tiền vào tài khoản

Người nộp tiền

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ví dụ 2: Ngày 05 tháng 12 năm 2011, bán hàng cho Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Việt Nam. Tổng số tiền thanh toán 30.207. 987. Công ty TNHH Khí Công nghiệp Việt Nam đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Hạch toán:

Nợ TK 112: 30.207.987

Có TK 511: 27.461.806

Có TK 3331: 2.746.181

Công ty đã nhận được giấy báo Có của Ngân hàng chuyển đến.

Căn cứ vào các chứng từ gốc của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, Kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 112. Từ sổ Nhật ký chung, Kế toán vào Sổ cái TK 112. Đến cuối kỳ, Kế toán đối chiếu số liệu trên sổ sách kế toán với số liệu của Ngân hàng, tập hợp lại và lập Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính.

Khóa luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT-3LL																	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: AA/02																	
Liên 3: Nội bộ				Số: 0084400																	
Ngày ..05... tháng.....12... năm 2011																					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Chi Lăng.....																					
Địa chỉ: 381 đường 5 cũ An Trì – Hùng Vương – Hải Phòng																					
Số tài khoản:																					
Điện thoại:.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>2</td><td>5</td><td>3</td><td>5</td><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>						0	2	0	0	6	2	5	3	5	1						
0	2	0	0	6	2	5	3	5	1												
Họ tên người mua hàng:																					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Khí Công nghiệp Việt Nam																					
Số tài khoản:																					
Hình thức thanh toán: ..CK.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>6</td><td>8</td><td>1</td><td>3</td><td>4</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>						0	2	0	0	7	6	8	1	3	4						
0	2	0	0	7	6	8	1	3	4												
STT	Tên hàng hoá, dịch vị	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																
A	B	C	1	2	3																
1	Khí hóa lỏng LPG 12	kg	1536	17.878,78	27.461.806																
Cộng tiền hàng: 27.461.806																					
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT: 2.746.181																			
Tổng cộng tiền thanh toán: 30.207.987																					
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi triệu hai trăm linh bảy nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng chẵn./.																					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng Đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)																	
In tại Công ty TNHH In và Quảng cáo Hợp Thành - ĐC 254 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng- MST: 0200584428																					

Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam

Mã GDV: BIDV

Chi nhánh Hải Phòng

Mã KH: 10366

GIẤY BẢO CỐ

Ngày 05 tháng 12 năm 2011

Số GD: 128

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Chi Lăng

Địa chỉ: Số 381 đường 5 cũ An Tri – Hồng Bàng – Hải Phòng

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 32110000297397

Số tiền bằng số: 30.207.987

Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu hai trăm linh bảy nghìn chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Công ty TNHH Khí Công nghiệp Việt Nam thanh toán tiền hàng

Người nộp tiền

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng

SỔ PHỤ TÀI KHOẢN

Từ ngày 05/12/2011 đến ngày 05/12/2011

Tài khoản: 32110000297397

TGTT VND CT TNHH TM CHI LĂNG

Số dư đầu: 800.902.320

SỐ CT	GHI NỢ	GHI CÓ	NỘI DUNG
05/12/2011		30.207.987	CTY TNHH KHI CONG NGHIEP VIET NAM THANH TOAN TIEN HANG THEO HD 84400
Tổng		30.207.987	

Tổng PS +30.207.987

Dư cuối 831.110.307

KIỂM SOÁT

NGƯỜI LẬP

f. Các nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng

 Các khoản chi chủ yếu:

- Chi trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ ...
- Chi nộp thuế, phí, lệ phí
- Chi trả lãi vay
- Chi mua ủy nhiệm chi, séc, phí chuyển tiền, phí kiểm đếm ...
- Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ

 Một số nghiệp vụ giảm tiền mặt phát sinh

Ví dụ 3: Ngày 07 tháng 12 năm 2012, Công ty TNHH TM Chi Lăng nhập kho KHL LPG L12, tổng giá thanh toán 587.466.000, thanh toán bằng chuyển khoản. Ngày 08 tháng 12, Công ty nhận được giấy báo nợ của Ngân hàng.

- Khi công ty mua hàng có số tiền thanh toán lớn trên 20.000.000, việc thanh toán được thực hiện qua ngân hàng.
- Kế toán trưởng viết ủy nhiệm chi, trình lên giám đốc ký duyệt đóng dấu. Sau đó kế toán tiền gửi ngân hàng đến ngân hàng thực hiện lệnh chuyển tiền theo ủy nhiệm chi để thanh toán tiền hàng. Khi lệnh chuyển tiền được ngân hàng thực hiện, ngân hàng sẽ gửi cho công ty Sổ phụ kèm theo giấy báo Nợ hoặc bảng kê giao dịch thể hiện việc chuyển tiền sang tài khoản của khách hàng đã được thực hiện.
- Kế toán định khoản và ghi vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 112.

Nợ TK 156: 534.060.000

Nợ TK 133: 53.406.000

Có TK 112: 587.466.000

- Cuối tháng số dư TK 112 được lấy để vào bảng cân đối số phát sinh và tổng hợp vào bảng cân đối kế toán.

Khóa luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT3/001																	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: AA/11P																	
Liên 2: Giao cho khách hàng				Số: 0024488																	
Ngày ..07... tháng.....12... năm 2011																					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTD KD KHL Nam Định.....																					
Địa chỉ: Lô G6 đường N4 khu Công nghiệp Hòa Xá tỉnh Nam Định																					
Số tài khoản:																					
Điện thoại:.....MS:				<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>6</td><td>0</td><td>0</td><td>3</td><td>9</td><td>0</td><td>9</td><td>9</td><td>3</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		0	6	0	0	3	9	0	9	9	3						
0	6	0	0	3	9	0	9	9	3												
Họ tên người mua hàng:																					
Tên đơn vị: công ty TNHH TM Chi Lăng.....																					
Số tài khoản:																					
Hình thức thanh toán:				<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>2</td><td>5</td><td>3</td><td>5</td><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		0	2	0	0	6	2	5	3	5	1						
0	2	0	0	6	2	5	3	5	1												
MS:																					
STT	Tên hàng hoá, dịch vị	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																
A	B	C	1	2	3																
1	Khí hóa lỏng LPG – L12	kg	30.000	17.802	534.060.000																
Cộng tiền hàng: 534.060.000																					
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT: 53.406.000																			
Tổng cộng tiền thanh toán : 587.466.000																					
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn./.																					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng Đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)																	
In tại Công ty TNHH Sáng Tạo Trẻ - MST: 0302288539 - www.inanhoadon.com																					

Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng

ỦY NHIỆM CHI

Lập ngày 07 tháng 12 năm 2011

Chuyển khoản, chuyển tiền, thư điện tử

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Tên tài khoản: Công ty TNHH Thương mại Chi Lăng

Số tài khoản: 32110000297397

Tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hải Phòng

ĐƠN VỊ THU HƯỞNG: Công ty TNHH MTD KD KHL Nam Định

Số tài khoản: 00287514289280

Tại Martime Bank Nam Định

Số tiền bằng số: 587.466.000

Viết bằng chữ: Năm trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn.

Nội dung: thanh toán tiền hàng cho công ty TNHH MTD KD KHL Nam Định

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

NGÂN HÀNG ĐTPT VN

NGÂN HÀNG B

CHI NHÁNH HP

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

GD viên

KS viên

Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam

Mã GDV: BIDV

Chi nhánh Hải Phòng

Mã KH: 10366

GIẤY BẢO NỢ

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

Số GD: 130

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Chi Lăng

Địa chỉ: Số 381 đường 5 cũ An Tri – Hồng Bàng – Hải Phòng

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi nợ: 32110000297397

Số tiền bằng số: 587.466.000

Số tiền bằng chữ: Năm trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn.

Nội dung: thanh toán tiền hàng cho công ty TNHH MTV KD KHL Nam Định

Người nộp tiền

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng

SỔ PHỤ TÀI KHOẢN

Từ ngày 08/12/2011 đến ngày 08/12/2011

Tài khoản: 32110000297397

TGTT VND CT TNHH TM CHI LĂNG

Số dư đầu: 881.110.307

SỐ CT	GHI NỢ	GHI CÓ	NỘI DUNG
08/12/2011	587.466.000		THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY TNHH MTV KD KHL NAM DINH THEO HD 24488
Tổng			

Tổng PS - 587.466.000

Dư cuối 293.644.307

KIỂM SOÁT

NGƯỜI LẬP

Ví dụ 4: Ngày 17 tháng 12, Trần Phương Thảo – phòng kế toán rút sec nhập quỹ tiền mặt, số tiền 90.000.000.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 111: 90.000.000

Có TK 112: 90.000.000

Công ty đã nhận được giấy báo nợ của ngân hàng.

Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam

Mã GDV: BIDV

Chi nhánh Hải Phòng

Mã KH: 10366

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 17 tháng 12 năm 2011

Số GD: 142

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Chi Lăng

Địa chỉ: Số 381 đường 5 cũ An Trì – Hồng Bàng – Hải Phòng

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi nợ: 32110000297397

Số tiền bằng số: 90.000.000

Số tiền bằng chữ: Chín mươi triệu đồng chẵn

Nội dung: Rút sec nhập quỹ

Người nộp tiền

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng

BANG KE GD – TGTG KHTT (TO CHUC) VND

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

So dư đầu + gửi vào (lãi nhập vốn) - rút ra - phí so dư cuối
1.000.902.320 976.085.576 480.414 1.933.831.768 43.636.542

Ngày	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	So dư
	Số dư đầu			1.000.902.320
	...	...	...	...
04-12	Nộp tiền vào tài khoản		100.000.000	800.902.320
05-12	Cty TNHH Khí Công Nghiệp Việt Nam		30.207.987	831.110.307
	...	...	...	...
07-12	Cty TNHH Công nghệ Tiên Tiến		50.000.000	881.110.307
08-12	Cty TNHH MTD KD KHL Nam Định	587.466.000		293.644.307
	...	...	...	...
17-12	Rút séc nhập quỹ		90.000.000	305.704.560
	...	...	...	...
20-12	Nộp tiền vào TK		390.000.000	439.958.647
	...	...	...	...
29-12	Xí nghiệp CP Đại lý FORD Hà Nội	550.545.000		189.159.560
		...	...	...
31-12	Lãi tiền gửi NH		480.414	43.636.542
		...	...	...
				43.636.542

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số: S03-DNN

Địa chỉ: 381 đường 5 cũ Hùng Vương- HB-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự dòng	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			...				...	...
04/12	PC010	04/12	Nộp tiền vào tài khoản	v v		112 111	100.000.000	100.000.000
			...				...	...
05/12	84400	05/12	Công ty TNHH KCN Việt Nam	v v v		112 511 3331	30.207.987	27.461.806 2.746.181
			...				...	...
07/12	GBC129	07/12	Công ty TNHH CN Tiên Tiến	v v		112 131	50.000.000	50.000.000
07/12	24488	07/12	Nhập kho KHL LPG L12	v v v		156 113 112	534.060.000 53.406.000	587.466.000
			...				...	...
17-12	GBN142	17-12	Rút sec nhập quỹ	v v		111 112	90.000.000	90.000.000
			...				...	...
31/12	GBC160	31/12	Lãi tiền gửi			112 515	480.414	480.414
			...				...	...
			Cộng SPS				332.501.515.213	332.501.515.213

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
Trần P.Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Nguyễn H.Trang

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)
Nguyễn V.Sáng

(Trích Nhật ký chung năm 2011)

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: 381 đường 5 cũ Hùng Vương- HB-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên TK: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SDDK:</u>				<u>1.000.902.320</u>	
			...				...	...
04/12	PC010	04/12	Nộp tiền vào TK NH			111	100.000.000	
			...				...	...
05/12	84400	05/12	Công ty TNHH Khí CN Việt Nam			511 3331	27.461.806 2.746.181	
			...				...	...
07/12	GBC129	07/12	Công ty TNHH CN Tiên Tiến			131	50.000.000	
07/12	24488	07/12	Nhập kho KHL LPG L12			156 133		534.060.000 53.406.000
			...				...	...
17-12	GBN142	17-12	Rút sec nhập quỹ			111		90.000.000
			...				...	...
31/12	GBC160	31/12	Lãi tiền gửi			515	480.414	
			...				...	...
			Cộng SPS trong tháng				976.565.990	1.933.831.768
			<u>SDCK:</u>				<u>43.636.542</u>	
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số: S06-DNN

Địa chỉ: 381 đường 5 cũ Hùng Vương- HB-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 32110000297397

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng			Thu	Chi	Còn lại
			SĐDK				1.000.902.320
			...		...	...	...
04-12	GBC127	04-12	Nộp tiền vào tài khoản	111	100.000.000		800.902.320
05-12	GBC128	05-12	Công ty TNHH Khí CN Việt Nam	511 3331	27.461.806 2.746.181		831.110.307
			...		...	...	...
07-12	GBC129	07-12	Cty TNHH Công nghệ Tiên Tiến	131	50.000.000		881.110.307
08-12	GBN130	08-12	Cty TNHH MTD KD KHL Nam Định	131		587.466.000	293.644.307
			...		...	...	...
17-12	GBN142	17-12	Rút sec nhập quỹ	111		90.000.000	305.704.560
			...		...	...	...
31-12	GBC160	31-12	Lãi tiền gửi	515	480.414		43.636.542
			Cộng SPS trong tháng		976.565.990	1.933.831.768	
			SDCK				43.636.542

(Trích tháng 12 năm 2011)

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi lăng

Mẫu số: B01-DNN

Địa chỉ: 381 đường 5 cũ Hùng Vương-HB-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2011

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI KỲ
NGUỒN VỐN				
A. Tài sản ngắn hạn	100		8.995.882.917	14.025.345.229
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.793.285.317	1.382.513.847
1, Tiền	111	1	1.793.285.317	1.382.513.847
2, Các khoản tương đương tiền	112	1		
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1, Đầu tư ngắn hạn	121	1		
2, Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130		4.880.787.096	3.539.819.069
1, Phải thu của khách hàng	131	2	4.880.787.096	3.539.819.069
2, Trả trước cho người bán	132			
3, Phải thu nội bộ	133	2		
4, Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5, Các khoản phải thu khác	138	2		
6, Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	2		
IV. Hàng tồn kho	140		2.210.526.965	8.581.439.170
1, Hàng tồn kho	141	3		

Khóa luận tốt nghiệp

			2.210.526.965	8.581.439.170
- Hàng mua đang đi trên đường	148	3		
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142	3		
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143	3		
- Chi phí SXKD dở dang	144	3		
- Thành phẩm tồn kho	145	3		
- Hàng hoá tồn kho	146	3	2.210.526.965	8.581.439.170
- Hàng gửi đi bán	147	3		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		111.283.539	521.573.143
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Các khoản thuế phải thu	152		111.283.539	521.573.143
3. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B. Tài sản dài hạn	200		5.680.719.981	6.688.209.616
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5		
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212			
3. Phải thu dài hạn khác	213			
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		2.399.899.981	2.445.714.616
1. TSCĐ hữu hình	221	6	2.399.899.981	2.445.714.616
- Nguyên giá	222		2.913.056.805	3.413.552.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(513.156.824)	967.837.644
2. TSCĐ thuê tài chính	224	7		

Khóa luận tốt nghiệp

- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	8		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9		
III. Bất động sản đầu tư	240	10		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11		
1. Đầu tư vào công ty con	251	11		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11		
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	11		
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.280.820.000	4.242.495.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13		
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.280.820.000	4.242.495.000
Tổng cộng tài sản			<u>14.676.602.898</u>	<u>20.713.554.845</u>
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả	300		13.711.796.951	19.658.000.606
I. Nợ ngắn hạn	310		12.710.296.951	13.576.746.175
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	6.500.000.000	6.248.454.540
2. Phải trả cho người bán	312	15	6.210.296.951	7.328.291.635
3. Người mua trả tiền trước	313	15		

Khóa luận tốt nghiệp

4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	16		
5. Phải trả CNV	315			
6. Chi phí phải trả	316	17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18		
II. Nợ dài hạn	320		1.001.500.000	6.081.254.431
1. Phải trả dài hạn người bán	321	19		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322			
3. Phải trả dài hạn khác	323			5.403.505.000
4. Vay và nợ dài hạn	324	20	1.001.500.000	647.500.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325	13		30.249.431
B. Vốn chủ sở hữu	400		964.805.947	1.055.554.239
I. Vốn chủ sở hữu	410		964.805.947	1.055.554.239
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	1.500.000.000	1.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Cổ phiếu ngân quỹ	413			
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Quỹ đầu tư phát triển	416	21		
7. Quỹ dự phòng tài chính	417	21		
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	21		
9. Lợi nhuận chưa phân phối	419		(535.194.053)	(444.445.761)

II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421			
2. Nguồn kinh phí	422	22		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423			
Tổng cộng nguồn vốn	430		<u>14.676.602.898</u>	<u>20.713.554.845</u>
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1. Tài sản thuê ngoài	N01	23		
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	N02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	N03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	N04			
5. Ngoại tệ các loại	N05			
6. Hạn mức kinh phí còn lại	N06			
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản	N09			

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2012

NGƯỜI LẬP

GIÁM ĐỐC

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi lãg

Mẫu số: B02-DNN

Địa chỉ: 381 đường 5 cũ Hùng Vương-HB-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		35.449.471.975	30.580.796.065
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10		35.449.471.975	30.580.796.065
4.Giá vốn hàng bán	11		31.844.608.537	27.889.642.608
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.604.863.438	2.691.153.457
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.000.264	4.456.510
7.Chí phí tài chính -Trong đó: chí phí lãi vay	22		918.232.897	543.279.926
8.Chí phí bán hàng	24			
9.Chí phí quản lý doanh nghiệp	25		3.534.811.266	2.837.004.432
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24 -25)}	30		(844.180.461)	(684.674.391)
11.Thu nhập khác	31		975.661.124	810.143.032
12.Chí phí khác	32		10.482.940	146.502.655

Khóa luận tốt nghiệp

13.Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		965.178.184	663.640.377
14.Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		120.997.723	(21.034.014)
15.Chỉ phí thuế TNDN hiện hành	51		30.249.431	
16.Chỉ phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50 - 51 -52)	60		90.748.292	(21.034.014)
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2012

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chi lăng

Mẫu số: S04-DNN

Địa chỉ: 381 đường 5 cũ Hùng Vương-HB-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

NĂM 2011

TK	Tên TK	Dư nợ đầu kỳ	Dư có đầu kỳ	PS Nợ	PS Có	Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ
111	Tiền mặt	1 784 601 213		36 791 682 616	37 237 396 524	1 338 887 305	
112	Tiền gửi ngân hàng	8 684 104		47 199 082 490	47 164 140 052	43 626 542	
131	Phải thu của khách hàng	4 880 787 096		19 119 596 592	20 460 564 619	3 539 819 069	
133	Thuế GTGT được khấu trừ	111 283 539		3 955 236 596	3 544 946 992	521 573 143	
156	Hàng hóa	2 210 526 965		38 215 520 742	31 844 608 537	8 581 439 170	
211	Tài sản cố định	2 913 056 805		500 495 455		3 413 552 260	
214	Hao mòn tài sản cố định		513 156 824		454 680 820		967 837 644
244	Ký quỹ, ký cược dài hạn	3 280 820 000		961 675 000		4 242 495 000	
311	Vay ngắn hạn		6 500 000 000	26 909 876 597	26 658 331 137		6 248 454 540
331	Phải trả cho người bán		6 210 296 951	42 349 905 425	43 467 900 109		7 328 291 635
3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp			3 544 946 992	3 544 946 992		
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp			10 482 940	40 732 371		30 249 431
334	Phải trả người lao động			1 259 450 000	1 259 450 000		
3383	Bảo hiểm xã hội			40 104 250	40 104 250		

Khóa luận tốt nghiệp

3384	Bảo hiểm y tế			5 908 750	5 908 750		
3387	Doanh thu chưa thực hiện			13 430 000	13 430 000		
3388	Phải trả, phải nộp khác			2 626 000	2 626 000		
341	Vay, nợ dài hạn		1 001 500 000	354 000 000		354 000 000	1 001 500 000
344	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn			526 393 383	5 929 898 383		5 403 505 000
411	Nguồn vốn kinh doanh		1 500 000 000				1 500 000 000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	535 194 053			90 748 292	444 445 761	
511	Doanh thu bán hàng			35 449 471 975	35 449 471 975		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			4 000 264	4 000 264		
632	Giá vốn hàng bán			31 844 608 537	31 844 608 537		
635	Chi phí hoạt động tài chính			918 232 897	918 232 897		
642	Chi phí quản lý kinh doanh			3 534 811 266	3 534 811 266		
711	Thu nhập khác			975 661 124	975 661 124		
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			10 482 940	10 482 940		
911	Xác định kết quả kinh doanh			38 003 832 382	38 003 832 382		
	Tổng cộng	15 724 953 775	15 724 953 775	332 501 515 213	332 501 515 213	22 125 838 250	22 125 838 250

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHI LĂNG

3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng

3.1.1 Ưu điểm

Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng được tổ chức phù hợp với quy mô kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ của công ty. Công ty đã áp dụng loại hình kế toán tập trung, tổ chức hạch toán tại công ty theo đúng quy định của Bộ tài chính, cụ thể:

1. Bộ máy kế toán

Bộ phận kế toán công ty được tổ chức theo hình thức kết hợp tập trung, cung cấp số liệu kịp thời thực hiện chức năng thông tin kiểm tra, giúp việc đắc lực cho giám đốc trong việc đề ra phương hướng kinh doanh đem lại hiệu quả cao. Cán bộ kế toán là những người có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc được giao, chịu khó đi sâu học hỏi kinh nghiệm.

2. Hình thức kế toán

Việc tổ chức sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chung là phù hợp với quy mô kinh doanh phân cấp quản lý của công ty. Hình thức này hạn chế được lượng lớn sổ sách chồng chéo, giảm bớt khối lượng ghi chép, củng cố thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công tác của các nhân viên trong công ty.

3. Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ

- Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán được thực hiện đầy đủ, tiến hành chặt chẽ hợp lý, hợp lệ theo quy định luân chuyển chứng từ.
- Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của

các chứng từ được tiến hành một cách khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu.

- Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận tiện cho việc kiểm tra, thanh tra.

- Tổ chức hệ thống báo tài chính và báo cáo thống kê nội bộ kịp thời đầy đủ kịp thời để lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng .

4. Sổ sách kế toán

- Mở các sổ sách kế toán cần thiết phục vụ công tác hạch toán theo quy định.
- Trong công tác kế toán vốn bằng tiền, kế toán đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu chi của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng như: Sổ quỹ tiền mặt, Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái TK 111, 112....

- Các sổ sách có tính đối chiếu cao đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu cho hoạt động kinh doanh.

5. Tài khoản sử dụng

Sử dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quyết định 48 được Bộ tài chính ban hành và áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

6. Hạch toán kế toán

Kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ được ghi chép theo trình tự thời gian nên rất thuận tiện chi việc theo dõi.

- Hạch toán tiền mặt: sổ quỹ tiền mặt được lập căn cứ trực tiếp vào phiếu thu, phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán tiền mặt có thể đối chiếu số liệu được ghi ở phiếu thu, phiếu chi với sổ quỹ tiền mặt được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác.

- Hạch toán tiền gửi ngân hàng: Sổ tiền gửi ngân hàng được lập căn cứ vào giấy báo Nợ, giấy báo Có, bảng sao kê giúp cho kế toán theo dõi, so sánh số liệu với số liệu của gửi ngân hàng để quản lý lượng tiền gửi được tốt, dễ dàng phát hiện chênh lệch nếu có.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên,

phù hợp với tình hình nhập xuất hàng hóa diễn ra tại công ty. Phương pháp này đảm bảo cung cấp thông tin thường xuyên, chính xác về tình hình biến động của hàng hóa trên các mặt: xuất bán, xuất dùng tạo ra sự quản lý và bảo quản tốt cả về mặt số lượng và giá trị.

- Các kế toán viên thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tin, quyết định mới của Bộ tài chính trong công tác hạch toán kế toán.

3.1.2 Những tồn tại

Tuy nhiên công ty còn có những tồn tại cần khắc phục:

- Công ty TNHH thương mại Chi Lăng là công ty thương mại nên việc bán hàng, thu tiền diễn ra thường xuyên, lượng tiền mặt nhập, xuất quỹ rất lớn. Việc giữ 1 lượng tiền lớn trong quỹ và thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt gây ra nhiều khó khăn và bất lợi cho công ty vì có thể mất hoặc thất thoát trên đường.
- Công ty chưa thường xuyên kiểm kê quỹ tiền mặt để xác định số tiền tồn quỹ thực tế, số thừa, thiếu thực tế so với quỹ, để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán.
- Công ty chưa sử dụng bảng kê chi tiền nên không liệt kê được các khoản đã chi, khó khăn cho việc quản lý, đối chiếu và kiểm tra số liệu.
- Công ty chưa sử dụng một số chứng từ liên quan đến công tác hạch toán vốn bằng tiền như: Biên lai thu tiền, Giấy đề nghị thanh toán là căn cứ để lập phiếu thu, phiếu chi để hạch toán các khoản thu, chi của công ty.
- Công ty chưa mở Nhật ký đặc biệt (Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền): Hình thức kế toán đang làm tại công ty vẫn là kế toán thủ công, khối lượng nghiệp vụ phát sinh liên quan tới tiền ngày càng nhiều, việc ghi sổ Nhật ký chung đôi khi cũng mất nhiều thời gian cho kế toán. Kế toán nên lập sổ Nhật ký đặc biệt (Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền) sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian cho việc ghi chép và tổng hợp số liệu liên quan tới vốn bằng tiền của công ty.
- Hệ thống báo cáo tài chính chưa đầy đủ, công ty nên bổ sung báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Với tính chất là công ty thương mại trên nhiều lĩnh vực, hàng tháng có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, doanh thu, chi phí cũng rất lớn nhưng công ty vẫn tiến hành ghi chép sổ sách bằng tay, chưa áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.

- Công ty đã sử dụng máy tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng chưa có phần mềm kế toán riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập và ghi chép số liệu kế toán. Phần lớn các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi bằng tay. Vào cuối kỳ kế toán khối lượng công việc là tương đối lớn, nhân viên kế toán phải làm thêm giờ, nếu không có phần mềm kế toán thì rất dễ xảy ra sai sót đáng tiếc. Trong nền kinh tế năng động và phát triển như hiện nay chưa áp dụng phần mềm kế toán là khó khăn và trở ngại lớn cho công ty.

3.2 Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện

Trong cơ chế thị trường có nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy công ty trước hết phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ máy kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin chính xác, kịp thời đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị

mình. Hơn nữa báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của công ty như nhà đầu tư, nhà quản lý, cơ quan thuế, Ngân hàng,... để có những quyết định đầu tư cho tương lai. Vì vậy thông tin tài chính đưa ra trong các báo cáo kế toán tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng. Điều quan trọng đối với công ty là làm sao thực hiện tốt việc luân chuyển vốn trong kinh doanh làm tăng vòng quay của vốn để từ đó duy trì tốt hoạt động kinh doanh của mình

Căn cứ vào vai trò, chức năng, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền đồng thời đảm bảo tính khoa học hơn trong công tác kế toán thì hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định cũng như các chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành nhưng cũng không phải rập khuôn máy móc theo đúng chế độ mà phải vận dụng sáng tạo.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tổ chức sản xuất của doanh nghiệp mình sao cho hiệu quả cao nhất.
- Hoàn thiện phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng yêu cầu của nhà quản lý.
- Hoàn thiện phải hướng tới vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào quá trình hạch toán sao cho đơn giản, dễ hiểu mà lại phải chính xác, đầy đủ tình hình tài chính của công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty, sau một thời gian tìm hiểu về các phần hành kế toán nói chung và đi sâu vào tìm hiểu về phần hành kế toán vốn bằng tiền nói riêng, với mong muốn đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công việc hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền làm cho công tác kế toán thực sự trở thành một công cụ quản lý kinh tế có hiệu lực, em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán và đặc biệt là phần hành kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

3.2.2 Hoàn thiện hệ thống sổ sách

❖ **Biên lai thu tiền:** là giấy biên nhận của công ty hoặc các nhân đã thu tiền hoặc séc của người nộp làm căn cứ để lập phiếu thu, nộp tiền vào quỹ, đồng thời để người nộp thanh toán với cơ quan hoặc lưu quỹ. Việc sử dụng biên lai thu tiền thuận tiện cho thủ quỹ và kế toán xác định khoản tiền thực đã thu.

❖ **Giấy đề nghị thanh toán:** dùng trong trường hợp đã chi nhưng chưa được thanh toán hoặc chưa nhận tạm ứng để tổng hợp các khoản đã chi kèm theo chứng từ gốc (nếu có) để làm thủ tục thanh toán, làm căn cứ thanh toán và ghi sổ kế toán.

❖ **Bảng kê chi tiền:** liệt kê các khoản đã chi, làm căn cứ đối chiếu, kiểm tra.

❖ **Nhật ký thu tiền:** hàng ngày khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới việc thu tiền của công ty, kế toán ghi vào nhật ký thu tiền. Đến cuối tháng, kế toán cộng dồn cột ghi Nợ TK 111 thể hiện phát sinh tăng tiền mặt trong tháng của công ty.

❖ **Nhật ký chi tiền:** hàng ngày khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới việc chi tiền của công ty, kế toán ghi vào nhật ký chi tiền. Đến cuối tháng, kế toán cộng dồn cột ghi Có TK 111 thể hiện phát sinh giảm trong tháng của công ty.

❖ **Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt:** phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt hàng ngày của công ty. Hàng ngày, căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi đã lập, kế toán vào sổ chi tiết quỹ tiền mặt. Dựa vào sổ chi tiết quỹ tiền mặt cuối ngày kế toán thực hiện đối chiếu số tồn quỹ trên sổ chi tiết với sổ quỹ của thủ quỹ, đảm bảo tính chính xác trong hạch toán tiền mặt tại quỹ của công ty.

Đơn vị:

Mẫu số: 06-TT

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN LAI THU TIỀN

Ngày ... tháng ... năm

Quyển số: ...

Số:

- Họ và tên người nộp tiền:
- Địa chỉ:
- Nội dung thu:
- Số tiền:.....(Viết bằng chữ).....

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người thu tiền

(Ký, họ tên)

Đơn vị:

Mẫu số: 05-TT

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm

Kính gửi

- Họ và tên người đề nghị thanh toán:
- Bộ phận:
- Nội dung thanh toán:
- Số tiền:.....(Viết bằng chữ).....

(Kèm theochứng từ gốc)

Người đề nghị thanh toán

Kế toán trưởng

Người duyệt

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị:

Mẫu số: 09 – TT

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ CHI TIỀN

Ngày ... tháng ... năm

Họ và tên người chi:

Bộ phận (hoặc địa chỉ):.....

Chi cho công việc:.....

STT	Chứng từ		Nội dung chi	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
			Cộng	

Số tiền bằng chữ:.....

(Kèm theo ... chứng từ gốc)

Người lập bảng kê

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người duyệt

(Ký, họ tên)

- Do đặc thù của công ty là công ty thương mại nên các nghiệp vụ liên quan tới thu, chi tiền hàng ngày của công ty tương đối nhiều, kế toán nên mở Nhật ký đặc biệt (nhật ký thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng) để liệt kê các khoản tiền thu, chi hàng ngày đồng thời ghi sổ kế toán được nhanh chóng, giảm bớt khối lượng công kênh công việc kế toán do phải ghi sổ nhiều, giúp kế toán tập trung có thể lập kế hoạch kinh doanh tư vấn tài chính cho giám đốc.

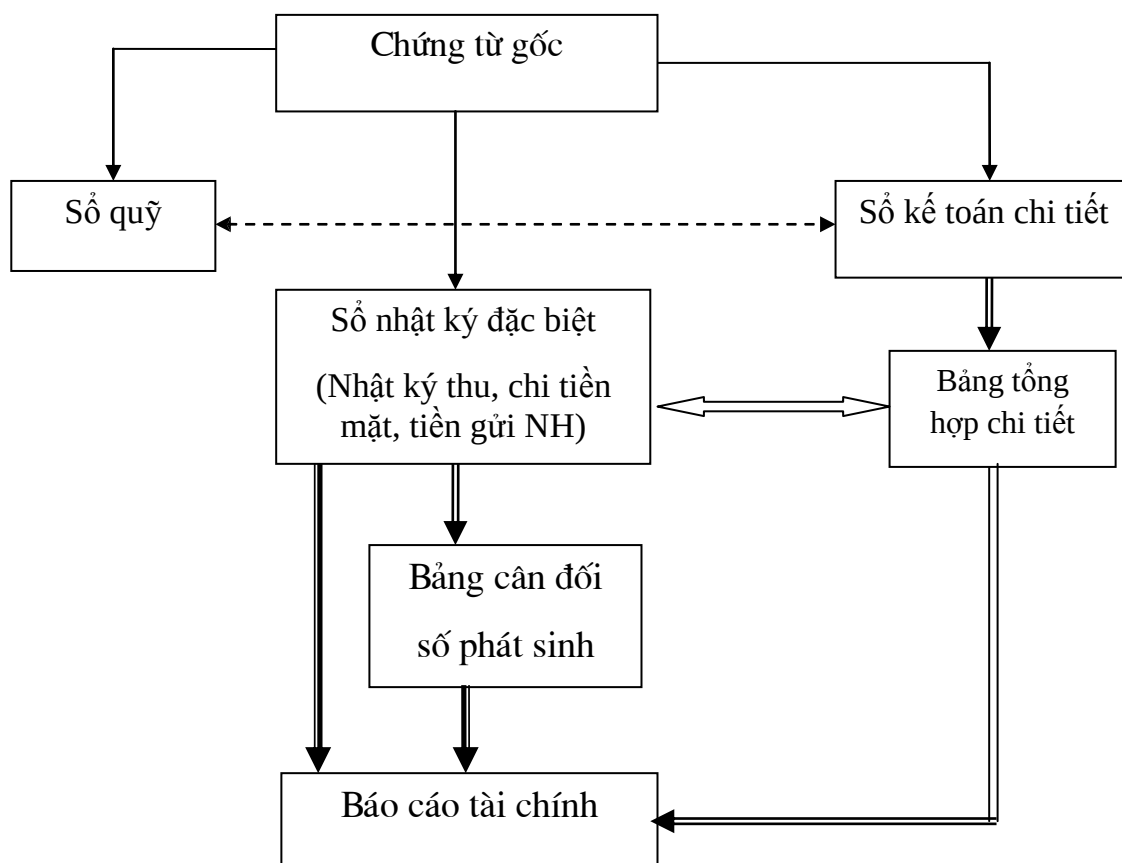
- Công ty đã mở tài khoản tại Ngân hàng nhưng số lượng tiền gửi Ngân hàng chưa nhiều. Khi cần thanh toán tiền hàng hay chuyển tiền, công ty mới gửi tiền vào tài khoản tiến hành giao dịch. Việc giữ một lượng tiền mặt tại quỹ và giao dịch bằng tiền mặt gây mất nhiều thời gian và không an toàn. Chính vì vậy công ty nên tăng cường việc thanh toán giao dịch bằng chuyển khoản, giảm bớt thanh toán bằng tiền mặt, chỉ dùng tiền mặt chi các khoản chi nhỏ.

- Do công ty chưa có 1 định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một số kế hoạch thanh toán tiền công nợ thống nhất nên dẫn đến số tiền mặt tại quỹ của công ty không ổn định, lúc quá ít, lúc quá nhiều. Điều này dễ gây khó khăn cho công ty trong việc chi tiêu tiền mặt phục sản xuất của công ty...Để khắc phục nhược điểm này, công ty nên xây dựng một định mức tiền mặt tại quỹ cụ thể trong từng kỳ hạch toán căn cứ vào kế hoạch thu, chi tiền mặt trong kỳ. Định mức này có thể xê dịch trong kỳ hạch toán nhưng không được phép tăng quá cao hoặc quá thấp gây tình trạng bất ổn trong quỹ tiền mặt của doanh nghiệp.

- Đối với nhật ký thu tiền: hàng ngày khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới việc thu tiền của công ty, kế toán ghi vào nhật ký thu tiền. Đến cuối tháng, kế toán cộng dồn cột ghi Nợ TK 111 thể hiện phát sinh tăng tiền mặt trong tháng của công ty.

- Đối với nhật ký chi tiền: hàng ngày khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới việc chi tiền của công ty, kế toán ghi vào nhật ký chi tiền. Đến cuối tháng, kế toán cộng dồn cột ghi Có TK 111 thể hiện phát sinh giảm trong tháng của công ty.

- Sơ đồ kế toán khi mở nhật ký đặc biệt



Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =====>

Đối chiếu, kiểm tra hàng ngày: <----->

Đối chiếu, kiểm tra cuối tháng: <=====>

- Hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh dựa vào các chứng từ gốc (phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có, bảng kê giao dịch...) các khoản thu, chi được kế toán ghi vào nhật ký đặc biệt (nhật ký thu, chi tiền).

- Cuối tháng lấy số liệu trên các cột “Cộng trang sổ” hàng ngang của các TK để lập sổ cái TK 111, TK 112 và các TK liên quan khác.

Việc lập sổ Nhật ký đặc biệt rất đơn giản đồng thời giảm được khối lượng công việc kế toán phải ghi chép nhiều mà vẫn đảm bảo tính chính xác khi lấy số liệu để lập các báo cáo tài chính, tiết kiệm thời gian cho các kế toán rất nhiều.

Đơn vị:

Mẫu số: S03a1 – DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK	Ghi Có các TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			...		Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị:

Mẫu số S03a2-DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm: ...

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK ...	Ghi Nợ các TK				
	Số hiệu	Ngày, tháng			...	...	...	Tài khoản khác	
								Số hiệu	Số tiền
			Số trang trước chuyển sang						
			Cộng chuyển trang sau						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S05b – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản:

Loại quỹ:

Năm:

Đơn vị tính:

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi			Nợ	Có		
				Số tồn đầu kỳ					
				SPS trong kỳ					
				Cộng SPS trong kỳ					
				Số tồn cuối kỳ					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm
Giám đốc
(Ký, họ tên)

3.2.3 Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt

- Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, khi bàn giao quỹ để xác định chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế so với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ, đảm bảo tính chính xác.
- Việc kiểm kê quỹ theo từng loại tiền trong quỹ có ưu điểm: giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được số tiền tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tăng cường quản lý quỹ tốt hơn. Xác định số tiền mặt tồn quỹ sẽ có biện pháp thu hồi nợ hoặc thanh toán bớt tiền hàng.
- Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập ban kiểm kê, trong đó thủ quỹ và kế toán là thành viên, bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê (giờ....ngày....tháng....năm). Trước khi kiểm kê phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.
- Mọi khoản chênh lệch đều phải báo cáo giám đốc xem xét. Khi tiến hành kiểm kê quỹ, ban kiểm kê quỹ phải lập bảng kiểm kê quỹ thành 2 bản: 1 bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.
- Khi tiến hành kiểm kê phải kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ.
- Công ty nên sử dụng bảng kiểm kê quỹ theo chế độ kế toán hiện hành:

Đơn vị:
Bộ phận:

Mẫu số 08a – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ
(Dùng cho VNĐ)

Số:

Hôm nay, vào giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:..... Đại diện kế toán

Ông/Bà:..... Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà:..... Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo quỹ:	x	...
II	Số kiểm kê thực tế:	x	...
1	Trong đó:		
2	- Loại	...	...
3	- Loại	...	...
4	- Loại	...	...
5	-	...	...
III	Chênh lệch (III =II – I)	x	...

- Lý do +Thừa:
- + Thiếu:
- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê
(Ký, họ tên)

3.2.4 Hoàn thiện công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

Công ty còn bị một số khách hàng khi mua hàng nợ lâu không trả dẫn đến vốn của công ty bị chiếm dụng trong thời gian dài, ảnh hưởng tới nguồn thu của công ty. Để khắc phục tình trạng bị chiếm dụng vốn như hiện nay kế toán phải theo dõi chặt chẽ và thường xuyên tình hình thu hồi các khoản nợ và thanh toán các khoản nợ trong kỳ. Đồng thời công ty cần đưa ra một số biện pháp nhằm thu hồi tiền bán hàng nhanh: chiết khấu thanh toán cho khách hàng trong thời gian thanh toán ngắn, phạt khi khách hàng nợ quá hạn (Công ty phải nêu trong hợp đồng bán hàng), hoặc chỉ xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho khách hàng khi nhận đủ tiền hàng...hay chiết khấu với phần trăm cao khi công ty khác mua hàng với số lượng lớn mà thanh toán ngay vừa hạn chế được việc nợ lâu mà công ty cũng bán được nhiều hàng, tránh tình trạng bị công ty khác chiếm dụng vốn trong kinh doanh.

Việc chi các khoản chi phí dồn vào cuối tháng như trả lương, tiền điện, nước, hội họp, tiếp khách, liên hoan, chi phí bán hàng, quản lý... cần lượng tiền mặt lớn phải chi ảnh hưởng lớn tới dòng tiền ra của doanh nghiệp. Do vậy cần có biện pháp hợp lý để nhằm giảm lượng chi tiền mặt cuối kỳ của doanh nghiệp như trả lương làm hai đợt: giữa tháng và gần cuối tháng, tránh những phát sinh không cần thiết như tiếp khách, hội họp, mua tài sản không sử dụng cho mục đích kinh doanh.

Bên cạnh đó thì công ty không nên chỉ dùng tiền gửi ngân hàng trong việc thanh toán mà nên chuyển sang gửi có kỳ hạn, vì nếu gửi có kỳ hạn thì lãi suất của ngân hàng sẽ cao hơn.

3.2.5 Hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính

❖ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiền trong kỳ của doanh nghiệp theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.

❖ Mục đích của báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhằm trình bày cho người sử dụng biết tiền tệ được sinh ra bằng cách nào và doanh nghiệp đã sử dụng chúng như thế

nào trong kỳ báo cáo. Người sử dụng báo cáo lưu chuyển tiền tệ sẽ tiến hành phân tích, đánh giá và dự đoán các mặt chính sau:

- Dự đoán lượng tiền mang lại từ các hoạt động trong tương lai của doanh nghiệp thông qua xem xét việc thu, chi tiền trong quá khứ.
- Đánh giá khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
- Chỉ ra mối quan hệ giữa lãi (lỗ) ròng và luồng tiền tệ bởi vì doanh nghiệp sẽ không thu được lợi nhuận nếu hoạt động kinh doanh của họ thiếu tiền.
- Xác định những nhu cầu tài chính cần thiết trong tương lai của doanh nghiệp như nhu cầu đầu tư TSCĐ, đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới, đánh giá khả năng sinh lời ...

❖ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ có thể được lập theo phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp gián tiếp. Sự khác biệt của hai phương pháp này là điểm xuất phát và căn cứ để xác định lưu chuyển tiền của hoạt động kinh doanh. Đối với lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính, cách lập của hai phương pháp giống nhau.

- Phương pháp gián tiếp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Theo phương pháp này, báo cáo được lập bằng cách điều chỉnh lợi tức trước thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh khỏi ảnh hưởng của các nghiệp vụ không trực tiếp tiền hoặc chi tiền đã làm tăng, giảm lợi tức loại trừ các khoản lãi, lỗ của hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính đã tính vào lợi nhuận trước thuế, điều chỉnh các khoản mục thuộc vốn lưu động.

- Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp

Theo phương pháp này, báo cáo được lập bằng cách xác định và phân tích trực tiếp các khoản trực thu, chi bằng tiền trên các sổ kế toán vốn bằng tiền theo từng loại hoạt động và theo nội dung thu, chi.

Đơn vị:

Mẫu số B03 – DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ – BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm: ...

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1	3	4	5
I.Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh				
1.Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2.Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02			
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			
4.Tiền chi trả lãi vay	04			
5.Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6.Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			
7.Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II.Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			

4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Luân chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III. Luân chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70			

Lập, ngày... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.6 Việc ứng dụng phần mềm trong công tác kế toán tại doanh nghiệp

Để góp phần hiện đại hóa công tác kế toán cũng như góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý đồng thời tiết kiệm thời gian và công sức lao động của nhân viên phòng kế toán, giảm áp lực trong công tác kế toán, giảm nhầm lẫn do tính toán thủ công gây ra, giải phóng kế toán khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán, tổng hợp một cách đơn điệu, nhằm chận để có nhiều thời gian lao động thực sự sáng tạo, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán tại công ty để việc hạch toán được thuận lợi và đạt hiệu quả cao nhất, đáp ứng một cách nhanh chóng, chính xác kịp thời thông tin kế toán khi có nhu cầu.

Hiện nay có nhiều phần mềm kế toán hiện đại, tiện lợi và dễ sử dụng như: Misa, Fast Accounting, Emass, Metadata... Nếu khó khăn trong việc sử dụng thì doanh nghiệp có thể mời chuyên gia về phần mềm kế toán để hướng dẫn cán bộ kế toán trong công ty có thể khai thác hết hiệu quả sử dụng máy vi tính.

MISA SME.NET 2012



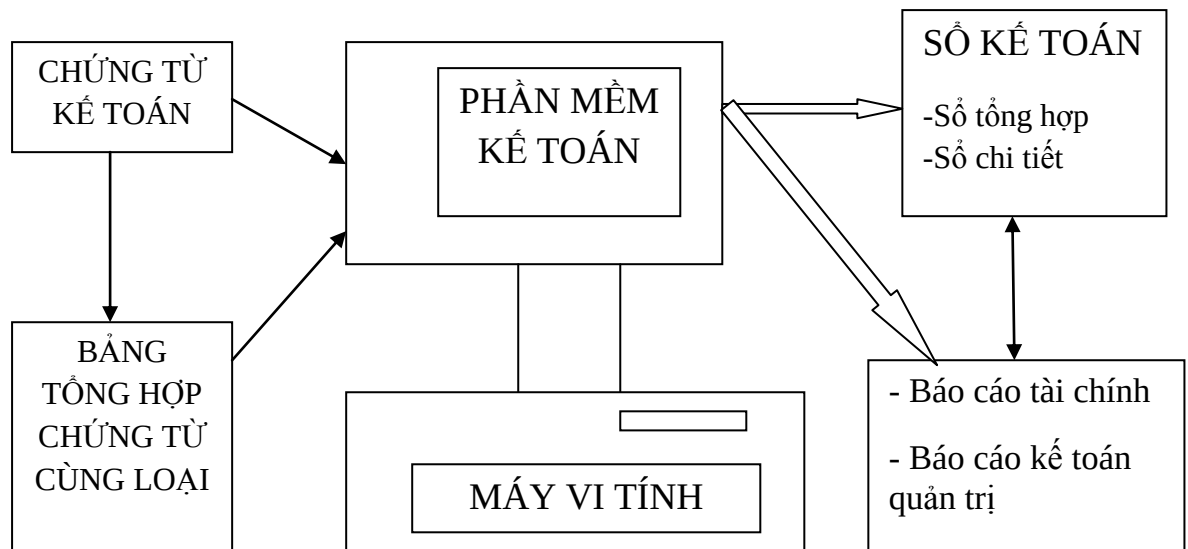
Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.



Fast Accounting

là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có gần 4.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

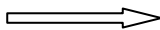
Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính



Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



- Khi sử dụng phần mềm kế toán, hàng ngày các kế toán viên chỉ việc nhập số liệu vào máy tính, máy tính sẽ tự động cập nhật vào các chứng từ và ghi các sổ liên quan theo hình thức Nhật ký chung. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm sẽ tự động lập bảng tổng hợp và báo cáo cần thiết.

- Công ty nên chọn phần mềm phù hợp và nên đầu tư cho đào tạo nhân viên kế toán học cách sử dụng phần mềm thành thạo.

- Bộ phận kế toán cần lên các phân hệ kế toán như: kế toán vốn bằng tiền, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương,...; tạo danh mục mã hoá cho các đối tượng những tài khoản công ty sử dụng, tài khoản con, danh mục hàng hoá, danh mục khách hàng, danh mục các nhà cung cấp, ...

- Việc sử dụng phần mềm kế toán giúp công ty có thể quản lý tốt việc sử dụng vốn bằng tiền. Kế toán chỉ cần nhập dữ liệu bán hàng,...phần mềm sẽ tự động lập phiếu thu, phiếu chi, vào sổ chi tiết hàng ngày, thuận tiện cho việc kiểm tra số liệu bất cứ lúc nào cần, điều này hạn chế rất nhiều sai sót trong công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chi Lăng đã giúp em nắm bắt được thực tế công tác kế toán tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chi Lăng từ khâu lập chứng từ kế toán, kiểm soát đến luân chuyển chứng từ kế toán, ghi chép hệ thống sổ sách kế toán, quy trình thanh toán, xác định kết quả kinh doanh... và đặc biệt đi sâu vào công tác hạch toán vốn bằng tiền tại công ty. Từ đó giúp em có cơ sở để đối chiếu lý luận với thực tế để bổ sung cho kiến thức lý thuyết đã được trang bị tại trường, rèn luyện kỹ năng làm việc của kế toán và đặc biệt là thực hiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền.

Em xin chân thành cảm ơn và mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo cùng các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Sinh viên thực hiện

Vũ Thị Yến